



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

20

Tháng 10 - 2015

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 1961

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2015



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU

20
SỐ 20-10/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư 5
- Bộ Xây dựng công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng 7

Văn bản của địa phương

- Bình Thuận ban hành Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác của UBND tỉnh 8
- Bạc Liêu ban hành Quy định về cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh 9
- Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố 11
- Thành phố Hồ Chí Minh tăng cường công tác quản lý đô thị trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải 16
- Hội thảo khoa học “Thiết kế và sức khỏe - Thực trạng kiến trúc bệnh viện, cơ sở y tế của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế” 18
- Nghiệm thu nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng kế hoạch và giải pháp ứng phó tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cấp nước, thoát nước cho các đô thị đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung” 19
- Nguyên nhân rò rỉ của đường ống cốt sợi polime (FRP) 20
- Vật liệu, kết cấu, thiết bị & công nghệ mới trong thi công xây dựng nhà ở và đường giao thông ở Liên bang Nga 23
- Trung Quốc thúc đẩy hoạt động xây dựng xanh 26
- Chiến lược sử dụng đất của đô thị hóa kiểu mới 28

Thông tin

- Hội nghị tập huấn về công tác thông tin đối ngoại ngành Xây dựng 31
- Thị xã Chí Linh được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hải Dương 32
- Hội thảo góp ý Dự thảo Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng 33
- Hội nghị tập huấn cán bộ công đoàn ngành Xây dựng 34
- Xây dựng tổ hợp nghỉ dưỡng kiểu mới tại vùng ngoại vi đô thị 34
- Hội nghị đánh giá 5 năm thực hiện Đề án 1961 35
- Trung Quốc: Xây dựng đội ngũ công nhân ngành Xây dựng theo định hướng thị trường 37
- Các xu hướng phát triển nhà ở tại Liên bang Nga 39
- Những ô phố “thụ động” trong lòng nước Đức 44
- Kinh nghiệm xây dựng đô thị vệ tinh của Nhật Bản 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ quy định về giám sát và đánh giá đầu tư

Ngày 30/9/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 84/2015/NĐ-CP về giám sát và đánh giá đầu tư.

Theo Nghị định này, việc giám sát, đánh giá đầu tư phải đúng đối tượng, phạm vi, nội dung giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định; không gây cản trở công việc của các đối tượng chịu sự giám sát và đánh giá đầu tư; phải có các tiêu chuẩn, tiêu chí và hồ sơ, tài liệu hợp lệ làm cơ sở cho việc giám sát, đánh giá; các thông tin phục vụ công tác giám sát, đánh giá đầu tư phải đầy đủ, kịp thời, chuẩn xác, trung thực và minh bạch; phải xem xét toàn diện, đồng bộ các vấn đề liên quan đến quá trình đầu tư; việc xem xét, đánh giá phải có đủ căn cứ, tài liệu, phải có phương pháp khoa học phù hợp với đối tượng và nội dung đánh giá; các giải pháp, đề xuất kiến nghị phải thiết thực, cụ thể và bảo đảm tính khả thi; kết quả giám sát, đánh giá phải được xử lý và phản hồi tích cực và phải được lưu trữ một cách hệ thống.

Đối với chương trình đầu tư công, cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình. Chủ chương trình, chủ dự án thành phần thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư chương trình đầu tư công theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư. Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình thực hiện theo dõi, kiểm tra chương trình thuộc phạm vi quản lý. Nội dung giám sát của cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình bao gồm: Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ chương trình, chủ dự án thành phần thuộc chương trình theo quy định; tổng

hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện chương trình (tiến độ thực hiện các mục tiêu của chương trình, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân, khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý); việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ chương trình, chủ dự án thành phần; báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền. Nội dung giám sát của chủ dự án thành phần bao gồm: Theo dõi tình hình thực hiện lập và thẩm định, phê duyệt dự án thành phần thuộc chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình (lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thực hiện dự án đầu tư, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, giải ngân, khó khăn, vướng mắc, phát sinh và kết quả xử lý); báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền. Nội dung kiểm tra bao gồm kiểm tra nội dung liên quan đến tổ chức thực hiện và quản lý dự án thành phần thuộc chương trình; việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư và năng lực quản lý dự án của chủ đầu tư; việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện của chủ đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công có trách nhiệm theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo của chủ chương trình, chủ dự án thành phần theo quy định; tổng hợp tình hình thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình; tổng hợp tình hình thực hiện chương trình (tiến độ thực hiện mục tiêu của chương trình, thực hiện kế hoạch vốn đầu tư,

giải ngân, khó khăn, vướng mắc, phát sinh chính ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình và kết quả xử lý); việc chấp hành biện pháp xử lý của chương trình, chủ dự án thành phần; báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền. Việc đánh giá chương trình đầu tư công được thực hiện như sau: Chương trình đầu tư công phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ hoặc giai đoạn, đánh giá kết thúc, đánh giá tác động. Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định việc đánh giá đột xuất chương trình khi cần thiết.

Cũng theo Nghị định này, cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý. Việc kiểm tra được thực hiện như sau: Kiểm tra ít nhất một lần đối với các dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng; kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án thuộc phạm vi quản lý. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện dự án theo các nội dung đã được phê duyệt tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chủ quản và người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện giám sát dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc đánh giá dự án được thực hiện như sau: Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A phải thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá tác động; dự án nhóm B,

nhóm C phải thực hiện đánh giá kết thúc và đánh giá tác động. Ngoài ra, người có thẩm quyền quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quyết định thực hiện đánh giá khác quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định này khi cần thiết.

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tổng hợp, đề xuất của cơ quan đầu mối thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương xem xét, quyết định xử lý đối với các chủ chương trình, chủ đầu tư, nhà đầu tư vi phạm quy định về giám sát và đánh giá đầu tư theo các hình thức khiển trách, cảnh cáo; thay chủ chương trình, chủ đầu tư; không giao làm chủ đầu tư các dự án khác. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý các vi phạm trong giám sát và đánh giá đầu tư.

Nghị định này còn quy định về giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư, giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát đầu tư của cộng đồng đối với hoạt động đầu tư tại Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; chi phí giám sát, đánh giá đầu tư, điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện tư vấn giám sát, đánh giá dự án đầu tư; điều kiện năng lực của cơ sở đào tạo đánh giá dự án đầu tư; quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám sát, đánh giá đầu tư. Việc giám sát và đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định này; những vấn đề khác biệt do đặc thù của việc sử dụng các nguồn vốn này, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/11/2015.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Bộ Xây dựng công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

Ngày 08/10/2015, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 1134/QĐ-BXD về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

Theo Quyết định này, máy và thiết bị thi công xây dựng là các loại máy và thiết bị được truyền chuyển động bằng động cơ, chạy bằng xăng, dầu, điện, gas, khí nén và một số thiết bị không có động cơ sử dụng trong đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và hạ tầng kỹ thuật. Định mức các hao phí xác định giá ca máy gồm số ca làm việc trong năm, định mức khấu hao, sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu - năng lượng, nhân công điều khiển và định mức chi phí khác. Số ca làm việc trong năm (số ca năm) là số ca làm việc của máy bình quân trong một năm trong cả đời máy; định mức khấu hao là mức độ giảm giá trị bình quân của máy do hao mòn (vô hình và hữu hình) sau một năm sử dụng; định mức sửa chữa là mức chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy trong một năm sử dụng; định mức tiêu hao nhiên liệu - năng lượng là mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (như xăng, dầu, điện, gas hoặc khí nén) để tạo ra động lực cho máy hoạt động trong một ca làm việc (gọi là nhiên liệu chính) và nhiên liệu phụ (như dầu mỡ bôi trơn, nhiên liệu để điều chỉnh, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động). Định mức nhân công điều khiển là số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển, vận hành máy trong một ca làm việc. Định mức chi phí khác là định mức cho các khoản chi phí đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả trong một năm sử dụng.

Định mức các hao phí xác định giá ca máy công bố làm cơ sở tham khảo, sử dụng để xác định giá ca máy theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Định mức tiêu hao nhiên liệu - năng

lượng và định mức nhân công điều khiển của máy và thiết bị chuyên dùng khảo sát, thí nghiệm đã được tính vào mức hao phí trong định mức dự toán. Đối với máy có cùng công năng nhưng khác về công suất hoặc thông số kỹ thuật chủ yếu chưa được công bố thì sử dụng định mức các hao phí của máy có cùng công năng hoặc điều chỉnh cho phù hợp. Đối với máy mới chưa có định mức các hao phí thì căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Xây dựng để xác định. Đối với những máy làm việc ở vùng nước mặn, nước lợ và trong môi trường ăn mòn cao thì định mức khấu hao, định mức sửa chữa được điều chỉnh với hệ số 1,05.

Định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng gồm 2 chương được trình bày theo nhóm, loại máy và được mã hóa thống nhất bằng mã hiệu. Chương 1 (Máy và thiết bị thi công xây dựng) bao gồm M101.0000: Máy thi công và lu lèn; M102.0000: Máy nâng chuyển; M102.0000: máy và thiết bị gia cố nền móng; M104.0000: máy sản xuất vật liệu xây dựng; M105.0000: Máy và thiết bị thi công mặt đường bộ; M106.0000: Phương tiện vận tải đường bộ; M107.0000: Máy khoan đất đá; M108.0000: Máy và thiết bị động lực; M109.0000: Máy và thiết bị thi công công trình thủy; M110.0000: Máy và thiết bị thi công trong hầm; M111.0000: Máy và thiết bị thi công đường ống, đường cáp ngầm; M112.0000: Máy và thiết bị thi công khác. Chương 2 (Máy và thiết bị chuyên dùng khảo sát, thí nghiệm) bao gồm: M201.0000: Máy và thiết bị khảo sát; M202.0000: Máy và thiết bị thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng; M203.0000: Máy và thiết bị thí nghiệm điện, đường dây và trạm biến áp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2015.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Bình Thuận ban hành Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác của UBND tỉnh**

Ngày 30/9/2015, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ban hành Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác của UBND tỉnh.

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản chưa thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của UBND tỉnh Bình Thuận quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản năm 2010. Việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải bảo đảm nguyên tắc minh bạch, công khai, liên tục, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá. Chỉ tiến hành đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu giá.

Theo Quy chế này, Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản với các nội dung chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo mời tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Thuận ít nhất 2 lần, đồng thời thông báo công khai thông tin tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường, tiến hành bán hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại bộ phận 1 cửa của Sở Tài nguyên và Môi trường. Khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trong vòng không

quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải chủ trì, phối hợp với các Sở và UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá thực hiện xét chọn hồ sơ đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trong các trường hợp sau đây, Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường không tổ chức phiên đấu giá và hoàn trả tiền đặt trước, phí tham gia đấu giá cho tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá: Trước ngày tổ chức phiên đấu giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu dừng tổ chức phiên đấu giá; sau 3 lần thông báo và tính đến thời điểm hết hạn tiếp nhận hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà vẫn không đủ từ 3 tổ chức, cá nhân trở lên tham gia đấu giá.

Về nội quy, người tham gia đấu giá phải đến đúng giờ, trước khi tiến hành phiên đấu giá, người tham gia đấu giá phải xuất trình với Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp giấy giới thiệu tư cách của tổ chức được tham gia phiên đấu giá, xuất trình giấy chứng minh nhân dân và giấy biên nhận đã nộp phí tham gia đấu giá; tiền đặt trước hoặc giấy bảo lãnh dự đấu giá. Trong thời gian diễn ra phiên đấu giá, người tham gia đấu giá phải tuân thủ các quy định sau: Chỉ được trao đổi trong nội bộ tổ chức của mình về các thông tin liên quan mà không được trao đổi với tổ chức, cá nhân khác; không sử

dụng các phương tiện thông tin liên lạc trong suốt quá trình diễn ra phiên đấu giá; không có hành vi gây mất trật tự, cản trở, phá rối phiên đấu giá; hoặc vi phạm quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác cùng tham gia phiên đấu giá; không mua chuộc nhằm loại trừ người tham gia đấu giá khác hoặc cấu kết, thông đồng để đim giá.

Mọi diễn biến trong phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập thành biên bản. Kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá công bố công khai kết luận của Hội đồng và người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải ký vào biên bản đấu giá ngay tại phiên đấu giá.

Trường hợp liên tiếp qua ba vòng đấu giá mà vẫn có từ hai người trở lên phát giá cao nhất bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tổ chức bốc thăm công khai để chọn người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Trường hợp tổ

chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ chối nhận kết quả trúng đấu giá thì người trả giá thấp hơn liền kề được Hội đồng đấu giá xem xét phê duyệt trúng đấu giá bổ sung với điều kiện giá trúng đấu giá bổ sung không được thấp hơn giá khởi điểm cộng bước giá. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được cấp văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản; được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại:
www.binhthuan.gov.vn)

Bạc Liêu ban hành Quy định về cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh

Ngày 02/10/2015, UBND tỉnh Bạc Liêu đã có Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu bao gồm:

Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này; hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình). Ngoài ra, phải có cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo

yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kinh phí liên quan.

Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng; gửi hồ sơ theo quy định đến cơ quan có thẩm quyền để nghị cấp phép thi công công trình. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông và sự bền vững của kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 1 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ thì phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định. Việc xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ được thực hiện sau khi có giấy phép thi công do cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp và tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan, giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 4 Quy định này.

Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ, chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giải quyết. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công bao gồm: Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này; văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của chủ công trình); hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do Sở Giao thông vận tải là chủ đầu tư không phải đề nghị cấp giấy phép thi công, nhưng trước khi thi công Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ liên quan gồm: Quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Cũng theo Quy định này, chủ đầu tư trước khi phê duyệt dự án xây dựng công trình thiết yếu phải gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận theo quy định; kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp nhà thầu vi phạm và đã nhận được kiến nghị của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền nhưng chấn

chính, khắc phục kịp thời, tiếp tục để xảy ra tình trạng mất an toàn giao thông khi thi công thì chủ đầu tư xem xét xử phạt theo hợp đồng kinh tế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp xử lý thích hợp. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông. Tuân thủ thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng chung công trình

hạ tầng kỹ thuật và các quy định khác có liên quan. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật (công trình giao thông, công trình đô thị, cây xanh, chiếu sáng, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây cáp thông tin) trong quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện dự án xây dựng công trình thiết yếu theo đúng quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.baclieu.gov.vn)

Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố

Ngày 09/10/2015, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại Thành phố.

Theo Quy định này, về mặt nguyên tắc, cần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong khu vực thi công xây dựng công trình và khu vực xung quanh; đảm bảo an toàn trong thi công xây dựng công trình và các công trình liên kề; giải quyết trong trường hợp thi công gây thiệt hại đến công trình liên kề theo đúng các quy định pháp luật; đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình, không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Đối với công tác khảo sát, chuẩn bị thi công, chủ đầu tư, tổ chức tư vấn khi thực hiện khảo sát lập dự án đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện các quy định của pháp luật về công tác khảo sát và các yêu cầu: Khi lập dự án phải khảo sát đầy đủ hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình kiến trúc thuộc phạm vi mặt bằng thi công và các công trình liên kề để có biện pháp bảo đảm an toàn cho các công

trình đã có. Nếu phải di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư phải liên hệ với cơ quan quản lý hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành để được hướng dẫn và thống nhất biện pháp di chuyển. Đối với các dự án thuộc diện phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, chủ đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận trước khi triển khai dự án; có trách nhiệm lập kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trên cơ sở chương trình quản lý môi trường đã đề xuất. Đối với các công trình xây dựng gần các công trình hiện có, trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho chính quyền cơ sở, chủ công trình liên kề về quy mô, thời gian xây dựng công trình, các biện pháp tổ chức khảo sát, thi công công trình bảo đảm an toàn, cam kết đền bù khi việc thi công làm hư hỏng công trình liên kề.

Đối với công tác thiết kế, phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thiết kế xây dựng và

các yêu cầu: Các giải pháp thiết kế phải tuân thủ quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các tiêu chuẩn xây dựng được phép áp dụng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hành lang bảo vệ các công trình giao thông, đường sắt, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thi công tại địa điểm xây dựng công trình, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ; hạn chế sử dụng các cấu kiện chế tạo sẵn có kích thước và trọng lượng quá lớn vào nội thành, nội thị. Trước khi khởi công xây dựng, nhà thầu xây dựng phải lập thiết kế biện pháp thi công bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định và trình chủ đầu tư phê duyệt. Biện pháp thi công (gồm cả việc phá dỡ công trình cũ nếu có) phải đảm bảo trật tự công cộng, an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công của công trình xây dựng và các công trình liền kề trong mọi điều kiện; thực hiện các biện pháp giảm bụi, tiếng ồn, độ rung. Đối với các công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt, có kỹ thuật phức tạp, xây dựng công trình nhà cao tầng có tầng hầm, xây dựng các công trình có nguy cơ tiềm ẩn làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận khác, trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, nhà thầu thiết kế phải tuân thủ thực hiện theo các quy định tại Khoản 7 Điều 8 của Quy định này.

Việc phá dỡ công trình, chuẩn bị mặt bằng thi công thực hiện theo quy định của pháp luật về phá dỡ công trình và các yêu cầu: Trước khi phá dỡ công trình, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng phải lập, thẩm tra phê duyệt phương án, giải pháp phá dỡ bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường theo quy định. Tổ chức, cá nhân thực hiện phá dỡ công trình phải thực hiện theo đúng các nội dung, phương án phá dỡ đã được phê duyệt; đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn cho người, tài sản của công trình phá dỡ và các công trình

liền kề, phế thải xây dựng phải được thu gom, vận chuyển và đổ đúng nơi quy định. Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng có trách nhiệm bảo vệ cây xanh và các công trình hạ tầng khác trong và xung quanh công trường.

Quá trình thi công phải đảm bảo an toàn theo các quy định của pháp luật về an toàn trong thi công xây dựng và các yêu cầu: Khi thi công, nhà thầu xây dựng hoặc chủ đầu tư phải làm sàn che để ngăn vật liệu rơi từ trên xuống. Kết cấu sàn che phải chắc chắn, không để vật liệu xây dựng rơi vãi xuống hè đường và các công trình liền kề, đảm bảo an toàn cho người, phương tiện hoạt động trên hè, đường, đảm bảo chiều cao thông thủy tối thiểu là 4,5 m. Các công trình công nghiệp, dân dụng, nhà ở... khi xây dựng hoặc tháo dỡ đều phải có màn che kín, khít trong thời gian thi công. Màn che phải vững chắc, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và cao hơn điểm cao nhất của công trình đang thi công tối thiểu 2 m. Đối với công trình thi công có sử dụng cần trục tháp, ngoài việc tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều này còn phải tuân thủ các quy định tại Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 13/4/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định quản lý sử dụng, vận hành cần trục tháp trong thi công xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các công trình thi công gần khu dân cư, nơi tập trung đông người, gần đường giao thông... chủ đầu tư và nhà thầu thi công phải lập biện pháp thi công với thời gian thi công phù hợp, hạn chế thi công trong giờ cao điểm. Khi thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật (như đào đường, thi công các lớp kết cấu đường, hệ thống cấp nước và thoát nước, hệ thống chiếu sáng, lắp đặt đường dây cáp nổi, ngầm...), chủ đầu tư và nhà thầu thi công có trách nhiệm đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công như phải có hệ thống rào chắn đảm bảo chắc chắn, kín khít theo quy định, bố trí đầy đủ

hệ thống biển báo giao thông, biển báo và đèn quay cảnh báo, cọc tiêu, dây phản quang, đèn chiếu sáng ban đêm, bố trí người hướng dẫn, phân luồng giao thông...

Trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng hoặc phá dỡ công trình, chủ đầu tư, nhà thầu thi công phải tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường đã cam kết và đảm bảo các nội dung: Trên công trường phải bố trí hệ thống thoát nước thi công, thiết kế biện pháp đấu nối hợp lý đảm bảo tiêu nước triệt để, không gây ngập úng trong suốt quá trình thi công. Nước thải thi công trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của Thành phố phải thu về hố ga, lắng đọng bùn đất, phế thải qua các ngăn lắng đọng, kích thước các hố ga phải phù hợp với lưu lượng nước thải. Đơn vị thi công phải thường xuyên tổ chức nạo vét, thu gom bùn rác chuyển đến nơi quy định, không để vật liệu, phế thải xây dựng, dung dịch khoan, hóa chất... trôi vào hồ, ao, kênh, mương, hệ thống thoát nước chung của Thành phố. Sau mỗi lần trung chuyển vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng, chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng phải tổ chức dọn dẹp ngay vật liệu xây dựng rơi vãi (nếu có), trả lại hè, đường phố, lối đi sạch sẽ cho khu vực. Phế thải xây dựng khi vận chuyển từ trên cao xuống phải được đóng vào bao, đựng trong thùng hoặc vận chuyển trong đường ống bọc kín. Cấm đổ phế thải xây dựng rơi tự do từ trên cao xuống. Trong phạm vi khu phố cổ, khu phố cũ cấm thi công cọc đóng (và thử cọc) bằng các loại máy búa có trọng lượng từ 600 kg trở lên (hoặc bằng các thiết bị tương tự, thiết bị dùng năng lượng nổ) gây rung động và tiếng ồn lớn. Tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng có thể sử dụng cọc đóng trong trường hợp vị trí đóng cọc cách mép công trình hiện có ít nhất 150 m và phải có biện pháp hạn chế ảnh hưởng do chấn động và tiếng ồn. Chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng phải

chịu trách nhiệm đền bù nếu việc thi công cọc đóng gây ra lún nứt các công trình khác. Tại các khu vực khác, muốn sử dụng biện pháp đóng cọc, phải được Sở Xây dựng chấp thuận.

Việc xây dựng công trình trong khu vực phố cổ Hà Nội, xây dựng công trình bên cạnh khu đất công trình có giá trị đặc biệt, công trình công cộng, công trình di tích lịch sử văn hóa, chủ đầu tư và nhà thầu phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về cấp phép xây dựng, đảm bảo trật tự xây dựng đô thị. Trong quá trình thi công, hoàn thiện, sửa chữa, bảo trì công trình phải có biện pháp hạn chế tối đa các ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư, đến không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực nơi có công trình do đơn vị thi công. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập biển báo công trình, ngoài các quy định Biển báo công trình theo Phục lục số 2 (kèm theo Quy định này) phải đề rõ số Giấy phép xây dựng, các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc được duyệt; có rào chắn, vật liệu che chắn đảm bảo an toàn đối với người và phương tiện đi đường. Chủ đầu tư và nhà thầu thi công phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường và các giá trị di sản, phải có trách nhiệm tái tạo môi trường, không gian, cảnh quan bị hư hại do thi công công trình gây ra.

Công trình xây dựng tạm phục vụ thi công phải đảm bảo an toàn, khuyến khích dùng cấu kiện chế tạo sẵn để tháo lắp hoặc container chuyên dụng. Công trình xây dựng tạm, nhà vệ sinh công trường phải được xây dựng ở vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường. Sau khi thi công xong công trình chính của dự án, các công trình xây dựng tạm, nhà vệ sinh công trường phải được tháo dỡ, thu dọn trả lại mặt bằng như nguyên trạng ban đầu, trừ trường hợp công trình xây dựng tạm phù hợp quy hoạch được duyệt.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Thành phố Hồ Chí Minh tăng cường công tác quản lý đô thị trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020

Ngày 20/10/2015, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Chỉ thị số 17/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý đô thị trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2015 - 2020.

Để tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, đảm bảo đầu tư đồng bộ trong xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thuộc các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị (bao gồm các dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng...), chấn chỉnh, khắc phục tình trạng xây dựng lấn chiếm hành lang sông, kênh, rạch, san lấp không phép, san lấp kênh rạch không thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết; thống nhất trong quá trình quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy nhà chung cư trên địa bàn Thành phố, UBND Thành phố giao Thủ trưởng các Sở ngành và Chủ tịch UBND các quận - huyện, các Trưởng Ban quản lý khu đô thị mới phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau đây.

Chủ tịch UBND quận - huyện, Trưởng Ban quản lý các khu đô thị mới phải rà soát, phân loại, lập danh mục dự án, đánh giá thực trạng tình hình triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đã và đang triển khai, các công trình xây dựng lấn chiếm, xây dựng trái phép trong hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch trên địa bàn được phân cấp quản lý, hoàn tất báo cáo gửi Sở Xây dựng; rà soát, phân loại, lập danh mục dự án, đánh giá thực trạng và đề xuất biện pháp xử lý đối với tình hình triển khai công tác san lấp kênh, rạch thay thế bằng cống hộp, hồ điều tiết và tình hình lấn chiếm hành lang, chỉ giới công trình đã và đang triển khai trên địa bàn được phân cấp quản lý. Đối với khu

vực chưa có dự án, thực hiện đánh giá hiện trạng và có đề xuất lập dự án cải tạo kênh rạch, phương án xây dựng cống hộp, hồ điều tiết dự kiến cần phải thực hiện. Hoàn tất báo cáo gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ đầu tư dự án về đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và san lấp kênh rạch, đảm bảo việc đầu tư xây dựng theo đúng tiến độ, nội dung tại đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận đầu tư, dự án đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi sai phạm của chủ đầu tư; xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất Sở Xây dựng, Sở quản lý chuyên ngành xử lý; đề xuất các biện pháp chế tài đối với các trường hợp chưa có quy định về xử lý đối với các hành vi sai phạm của chủ đầu tư. Khi chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực có san lấp sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng phải có ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tỷ lệ, diện tích hồ điều tiết được thay thế, đảm bảo lưu thông dòng chảy giữa hồ điều tiết với hệ thống sông, kênh, rạch hiện hữu. Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các tổ chức, người dân hiểu và chấp hành các quy định của Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư do Bộ Xây dựng ban hành; theo dõi, kiểm tra và giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý sử dụng nhà chung cư; phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị đang quản lý nhà chung cư, Ban quản trị nhà chung cư để giải quyết các vấn đề liên quan bảo trì, quản lý vận hành nhà chung cư.

Giám đốc Sở Xây dựng phải tổ chức tổng

hợp danh mục dự án, tình hình triển khai đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên địa bàn Thành phố; chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành, UBND quận - huyện và Ban Quản lý khu đô thị mới kiểm tra, xử lý nghiêm các công trình xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch và các sai phạm trong đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; đề xuất UBND Thành phố các biện pháp chế tài cụ thể theo quy định của pháp luật, bao gồm tạm dừng, cấm tham gia thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị đối với những chủ đầu tư có dấu hiệu liên tục sai phạm, cố ý không đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ đầu tư về việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị; xử lý vi phạm hoặc đề xuất xử lý đối với trường hợp vượt thẩm quyền; rà soát, thống kê, kiểm tra và lập kế hoạch duy tu, sửa chữa đối với các chung cư cũ trên địa bàn Thành phố, xây dựng cơ chế chế tài đối với các chủ đầu tư không thực hiện chuyển giao quỹ bảo trì, không bàn giao hồ sơ hoàn công cho Ban Quản trị chung cư và theo dõi thực hiện; thực hiện nghiêm việc tăng cường đảm bảo an toàn, chất lượng thi công xây dựng công trình, hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng công trình chung cư theo Chỉ thị số

19/2014/CT-UBND ngày 25/8/2014 của UBND Thành phố về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước đối với quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố.

Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc khi chủ trì tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 khu vực có san lấp sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng phải có ý kiến thống nhất của Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tỷ lệ, diện tích hồ điều tiết được thay thế, đảm bảo lưu thông dòng chảy giữa hồ điều tiết với hệ thống sông, kênh, rạch hiện hữu. Sở Quy hoạch - Kiến trúc phải chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, UBND các quận - huyện, Ban Quản lý các Khu chức năng đô thị tham mưu, trình UBND Thành phố ban hành kịp thời các quy định thuộc lĩnh vực quản lý quy hoạch đô thị như cấm mốc giới, quản lý mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt san nền, đồng thời, xây dựng kế hoạch hàng năm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy hoạch đô thị đã được phê duyệt (bao gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết); phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập, công bố quy hoạch hồ điều tiết trên địa bàn Thành phố; khẩn trương nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố áp dụng cốt nền xây dựng thống nhất trên địa bàn Thành phố.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**(Xem toàn văn tại:
www.hochiminhcity.gov.vn)**

Hợp tác Việt Nam - Nhật Bản trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải

Ngày 16/10/2015, tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) và Cục Quản lý thoát nước và nước thải thuộc Bộ Đất đai, Hạ tầng, Du lịch & Giao thông Nhật Bản (MLIT) phối hợp với Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức Hội thảo “ Phát triển nguồn nhân lực và hướng tiếp cận các công nghệ mới, tiên tiến trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải”. Đây là một trong các hoạt động thuộc chương trình làm việc của đoàn công tác MLIT và JICA với Bộ Xây dựng về lĩnh vực liên quan.

Tham dự Hội thảo về phía Việt Nam có PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng); đại diện các cơ quan chức năng thuộc Bộ và các Bộ, ngành TW; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; các Sở Xây dựng, các công ty thoát nước & xử lý nước thải của một số tỉnh, thành. Về phía Nhật Bản, tham dự Hội thảo có ông Shioji Katsushisa - Cục trưởng Cục Quản lý thoát nước & xử lý nước thải MLIT; ông Yamamoto Kenichi - Phó trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam, và đại diện chính quyền các địa phương của Nhật Bản có hợp tác với các tỉnh thành của Việt Nam trong lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải. Đại diện các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Cơ quan Hợp tác phát triển CHLB Đức (GIZ)... cũng tham gia và có những bài tham luận sâu sắc tại Hội thảo.

Phát biểu khai mạc, PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến cho biết: Những năm gần đây, nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực quản lý thoát nước và xử lý nước thải của Việt Nam ngày càng cao; tuy nhiên công tác đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu. Xây dựng nguồn lực cao là chủ trương, là bước đột phá của Chính phủ Việt Nam nhằm thực hiện Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, các giải pháp chính



PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến phát biểu khai mạc Hội thảo

tập trung vào công tác nâng cao chất lượng và số lượng kỹ sư chuyên ngành cấp thoát nước; củng cố, mở rộng các cơ sở đào tạo, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo công nhân ngành nước; bồi dưỡng nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý ngành nước cho các cán bộ chuyên ngành từ TW đến địa phương.

Bên cạnh đó, để thực hiện tốt Định hướng phát triển, việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển, năng lực đầu tư có tính tới khả năng nâng cấp trong tương lai cũng là những nhiệm vụ cấp bách. Trong lĩnh vực này, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế vô cùng quý báu; đặc biệt là sự giúp đỡ của Chính phủ Nhật Bản, thông qua rất nhiều dự án đã và đang triển khai hiệu quả tại nhiều tỉnh thành trên cả nước có sự hỗ trợ, tài trợ của MLIT và JICA.

Đánh giá cao quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa MLIT, JICA và Bộ Xây dựng cũng như sự hỗ trợ lớn của MLIT và JICA đối với ngành nước Việt Nam, PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến bày tỏ mong muốn Hội thảo sẽ là cơ hội để các đơn vị, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải của cả hai bên cùng trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ các khó khăn vướng mắc cũng như hướng tháo gỡ những khó khăn

đó, góp phần nâng cao năng lực và chất lượng của ngành, đáp ứng mục tiêu nhiệm vụ mà Định hướng phát triển thoát nước đô thị & khu công nghiệp Việt Nam đã đề ra.

Các tham luận tại Hội thảo được chuyên gia hai bên trình bày chủ yếu tập trung vào hai chủ đề chính. Ở chủ đề “Phát triển nguồn nhân lực ngành thoát nước”, ông Hiroyuki Fujimoto từ Tổ chức công trình nước thải Nhật Bản đã giới thiệu về các hoạt động chính, cơ chế hoạt động của Tổ chức. Trong bài trình bày, ông nhấn mạnh tới công tác đào tạo nhân lực, tổ chức đào tạo cho nhân viên chính quyền địa phương và phát triển kỹ thuật/ công nghệ về thoát nước & xử lý nước thải; coi đó là giải pháp trọng tâm để tăng cường năng lực, phát triển ngành bền vững.

Đây cũng là chủ đề chung của các bài tham luận của đại diện Hội cấp thoát nước Việt Nam và một số trường đại học có đào tạo chuyên ngành này. Theo PGS. TS. Trần Thị Việt Nga (trường Đại học Xây dựng Hà Nội), cùng với yêu cầu ngày càng nâng cao về đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước, xử lý ô nhiễm môi trường nước, nhu cầu đào tạo nhân lực của các chuyên ngành trong lĩnh vực môi trường nói chung và lĩnh vực cấp thoát nước nói riêng rất lớn; và công tác đào tạo này luôn gắn kết với khái niệm phát triển bền vững, phù hợp với các vấn đề thực tiễn môi trường đặt ra.

Với chủ đề “Hướng tiếp cận các công nghệ mới, tiên tiến trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải”, các bài tham luận tập trung trình bày những vấn đề liên quan tới công nghệ mới, vật tư thiết bị mới và thực tế ứng dụng vào Việt Nam. Bài trình bày của ông Takatoshi Wako - Cố vấn chính sách lĩnh vực thoát nước, chuyên gia JICA tại Việt Nam đã nêu ra một số kinh nghiệm phát triển thoát nước và các công nghệ ứng dụng tại Nhật Bản; đồng thời phân tích kỹ sự phù hợp của các công nghệ này khi áp dụng vào Việt Nam. Các giải pháp công nghệ hồ sinh học xử lý nước thải tại Đà Nẵng; giải pháp chống lão hóa ống thoát nước - công trình thử



Toàn cảnh Hội thảo

nghiệm công nghệ sửa chữa thay mới ống thoát nước tại Tp. Hồ Chí Minh; công nghệ khoan kích ống ngầm (đã triển khai áp dụng thành công tại một số công trình của Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, triển khai ở quy mô nhỏ và vừa ở Thừa Thiên - Huế) được chuyên gia Nhật Bản và đại diện Sở ngành địa phương tổng kết và trình bày cụ thể tại Hội thảo.

Chiều cùng ngày, Bộ Xây dựng và MLIT đã tiến hành phiên họp lần thứ 8 định kỳ 06 tháng về hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải. Cuộc họp có sự tham gia của đông đủ đại diện các bên, và diễn ra dưới sự chủ trì của PGS. TS. Nguyễn Hồng Tiến (Bộ Xây dựng) và ông Shioji Katsushisa (MLIT).



Cuộc họp lần thứ 8 về hợp tác kỹ thuật giữa MLIT và Bộ Xây dựng

Tại phiên họp này, chuyên gia hai bên đã cùng tổng kết các kết quả hoạt động từ tháng 2/2015 tới tháng 10/2015 theo các dự án đang được triển khai thực hiện tại một số tỉnh thành

Việt Nam: thoát nước đô thị, sử dụng hiệu quả năng lượng và nước từ nước thải và bùn thải, xây dựng và quản lý các công trình thoát nước và xử lý nước thải bền vững, xây dựng các tiêu chuẩn / sổ tay hướng dẫn về phương pháp lắp đặt các đường ống áp dụng công nghệ tiên tiến, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng nội dung Luật Thoát nước đô thị. Hai bên cũng tích cực thảo luận, xác định kế hoạch hoạt động cho thời gian tới, từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2016.

Trong phiên họp, thay mặt MLIT, ông Katsushisa đã bàn giao Bộ tiêu chuẩn công

nghệ khoan kích ống ngầm đã hiệu chỉnh và bổ sung cho Bộ Xây dựng. Đại biểu hai bên cũng tích cực thảo luận, chia sẻ những khó khăn mỗi nước đang phải đối mặt và các triển vọng hợp tác trong tương lai, trong đó có các hoạt động triển khai áp dụng tiêu chuẩn thi công công nghệ khoan kích ống ngầm tại Việt Nam và tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác song phương giữa các địa phương của cả hai nước.

Lệ Minh

Hội thảo khoa học “Thiết kế và sức khỏe - Thực trạng kiến trúc bệnh viện, cơ sở y tế của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế”

Ngày 21/10/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Bộ Y tế đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học “Thiết kế và sức khỏe - Thực trạng kiến trúc bệnh viện, cơ sở y tế của Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế”. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, Thứ trưởng Bộ Y tế Phạm Lê Tuấn, Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam Nguyễn Tấn Vạn, GS. TS Alan Dinali - Giám đốc điều hành Học viện Quốc tế về thiết kế và sức khỏe, cùng nhiều chuyên gia và đại diện các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài đã đến dự Hội thảo.

Tại hội thảo, các chuyên gia đã đề cập nhiều nội dung liên quan đến thiết kế và sức khỏe, như thực trạng cơ sở hạ tầng bệnh viện và công tác thiết kế công trình y tế ở Việt Nam, tác động của thiết kế môi trường đô thị đến sức khỏe và hạnh phúc con người, các phương pháp để thúc đẩy sức khỏe con người, chất lượng cuộc sống thông qua thiết kế môi trường, mối quan hệ giữa thiết kế bệnh viện với công nghệ y tế hiện đại, kinh nghiệm về thiết kế bệnh viện và công trình y tế...

GS. TS Alan Dinali, một chuyên gia trong lĩnh vực thiết kế, kiến trúc, đồng thời cũng là



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại hội thảo

người hoạt động tích cực trong lĩnh vực y tế cộng đồng cho biết: Thiết kế, kiến trúc là những yếu tố quan trọng tạo ra môi trường sống cũng như nếp sống của mỗi người. Vì vậy, trong thiết kế, xây dựng công trình, chúng ta phải có phương pháp để công trình ấy mang lại lợi ích cho sức khỏe người dân. Những công trình như vậy cần tạo ra môi trường sống xanh, nhiều ánh sáng tự nhiên, có âm nhạc và có cả yếu tố văn hóa truyền thống...

GS. TS Alan Dinali mong muốn Bộ Xây dựng có kế hoạch tái thiết những hồ nước trong các đô thị của Việt Nam và cho rằng đây là



Quang cảnh hội thảo

cách tiếp cận không gian xanh hợp lý và hiệu quả để người dân đô thị có môi trường sống cân bằng, giảm bớt những căng thẳng của cuộc sống cũng như giảm nguy cơ mắc bệnh.

Tham dự hội thảo, TS. KTS Lê Thị Bích Thuận nêu lên những giải pháp thiết kế cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng tại các trung tâm y tế tuyến huyện. Theo đó, cần tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn qua các khâu thẩm định, phê duyệt thiết kế; tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng; tổ

chức các lớp tập huấn kỹ thuật thiết kế, xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng tới các địa phương; các địa phương cần chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan tăng cường công tác kiểm tra khi thẩm định, cấp phép các dự án đầu tư xây mới và cải tạo các công trình công cộng, trụ sở cơ quan hành chính nhà nước, nhà chung cư, hạ tầng giao thông đô thị...

Nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến trúc, thiết bệnh viện đối với sức khỏe người bệnh, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cho rằng, “Một công trình được thiết kế hợp lý, kết hợp hài hòa với môi trường thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng sẽ tạo cảm giác yên tâm, thoải mái cho con người, qua đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức khỏe người dân”, đồng thời bày tỏ mong muốn, trong tương lai, Việt Nam sẽ hình thành mô hình những công viên - bệnh viện phù hợp với môi trường tự nhiên, khí hậu trong nước để giúp người bệnh có điều kiện phục hồi sức khỏe một cách nhanh chóng, hiệu quả.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng kế hoạch và giải pháp ứng phó tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cấp nước, thoát nước cho các đô thị đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung”

Ngày 28/10/2015 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng kế hoạch và giải pháp ứng phó tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cấp nước, thoát nước cho các đô thị đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung” do Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia thực hiện. PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng

kỹ thuật chủ trì Hội nghị.

Thay mặt nhóm nghiên cứu báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, TS. Lưu Đức Cường cho biết, mục tiêu của nhiệm vụ nhằm xây dựng khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho hệ thống cấp nước, thoát nước đô thị làm cơ sở cho các địa phương chủ động trong xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nội dung của nhiệm vụ bao gồm: nghiên



Toàn cảnh Hội nghị

cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới hệ thống cấp nước, thoát nước đô thị nhằm đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động; xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với hệ thống cấp nước, thoát nước của 3 đô thị thí điểm đại diện cho 03 vùng; dự thảo khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho hệ thống cấp thoát nước đô thị.

Qua công tác điều tra, khảo sát và nghiên cứu điểm được tiến hành tại 06 đô thị thuộc các vùng đồng bằng sông Hồng (Nam Định, Thái Bình), đồng bằng sông Cửu Long (Bến Tre, Trà Vinh), duyên hải miền Trung (thị xã Sông Cầu, thành phố Tam Kỳ), nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá hiện trạng và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống cấp, thoát nước của từng đô thị nghiên cứu.

Theo TS. Lưu Đức Cường, biến đổi khí hậu tác động và có ảnh hưởng lớn đến hệ thống thoát nước (tác động chưa đáng kể đối với hệ thống cấp nước), hiện tượng ngập úng tại các đô thị ngày càng trở nên trầm trọng do triều cường, mưa và do quá trình đô thị hóa. Bên cạnh đó, công tác quản lý đô thị của các địa phương cũng chưa được tốt (quản lý cốt nền xây dựng, san lấp ao hồ, khai thác nước ngầm

gây sụt lún mặt đất...) cũng là yếu tố làm tăng tác động của biến đổi khí hậu đối với hạ tầng thoát nước.

Đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ, các ủy viên phản biện và chuyên gia của Hội đồng cho rằng, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành nhiệm vụ theo đề cương được phê duyệt; công trình nghiên cứu được thực hiện bài bản, công phu, khối lượng công việc lớn, số liệu, tài liệu phong phú, đã tiếp thu các ý kiến của chuyên gia tại các cuộc họp nghiệm thu cấp cơ sở... Tuy nhiên, tại Hội nghị nghiệm thu cấp bộ, các chuyên gia của Hội đồng cũng đề nghị nhóm nghiên cứu điều chỉnh kết cấu của bản thuyết minh thực hiện nhiệm vụ, làm rõ nét hơn những đặc trưng khác biệt về tác động của biến đổi khí hậu đối với từng vùng, xây dựng khung hướng dẫn chi tiết hơn để các địa phương dễ làm, dễ áp dụng...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng PGS. TS Nguyễn Hồng Tiến đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến của Hội đồng, tiến hành rà soát lại các số liệu, tài liệu để đảm bảo độ tin cậy và sự nhất quán; cập nhật các số liệu, tài liệu mới; rút ngắn phần đánh giá hiện trạng trong báo cáo thuyết minh, chú trọng nêu bật các yếu tố đặc thù theo vùng, hoàn thiện khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với hạ tầng cấp, thoát nước đô thị.

Hội đồng KHKT Bộ Xây dựng cũng đánh giá cao nỗ lực của nhóm tác giả, sản phẩm của nhiệm vụ đã đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Nhiệm vụ đã được Hội đồng KHKT thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Nguyên nhân rò rỉ của đường ống cốt sợi polime (FRP)

Đường ống cốt sợi polime (FRP) có rất nhiều ưu điểm như chống ăn mòn, cường độ cao, đặc

tính thủy lực tốt, lắp đặt và bảo trì đơn giản... Bắt đầu từ sau những năm 1980 của thế kỷ

trước, cùng với sự du nhập của thiết bị quấn sợi cũng như sự phát triển của kỹ thuật quấn sợi, Trung Quốc đã ứng dụng đường ống cốt sợi polime vào rất nhiều lĩnh vực. Trên cả nước Trung Quốc hiện nay có hơn 20 doanh nghiệp nhập khẩu hơn 30 dây chuyền sản xuất sản xuất sợi polime từ nước ngoài, ngoài ra còn có vài chục dây chuyền sản xuất trong nước, đây là điều kiện tốt cho việc mở rộng ứng dụng đường ống cốt sợi polime. Tuy nhiên, do nhiều doanh nghiệp của Trung Quốc bị những hạn chế bởi vốn, thiết bị, nguyên liệu cũng như thiếu kinh nghiệm, trình độ kỹ thuật và quản lý chưa cao, dẫn đến chất lượng sản phẩm chưa đảm bảo. Tình trạng thất bại của đường ống cốt sợi polime vẫn thường xuyên xảy ra, trong đó, hiện tượng mang tính điển hình chính là hiện tượng rò rỉ, điều này đã làm ảnh hưởng tới việc phát huy tính năng ưu việt của đường ống cốt sợi polime và cản trở việc mở rộng ứng dụng loại vật liệu này. Vì vậy, nghiên cứu cơ chế rò rỉ, phân tích nguyên nhân rò rỉ để giải quyết vấn đề có ý nghĩa to lớn trong việc mở rộng ứng dụng đường ống cốt sợi polime.

I. Phân tích nguyên nhân rò rỉ

Cuối thế kỷ XX, một nhà máy sản xuất sợi polime tại Trung Quốc đã tiến hành sản xuất và lắp đặt đường ống bằng cốt sợi polime cho một trạm xử lý nước thải. Đường ống này sau đưa vào vận hành không lâu đã phát sinh hiện tượng rò rỉ, cuối cùng phải tháo dỡ, gây tổn thất lớn cho Nhà nước. Dưới đây là những nguyên nhân chính gây ra hiện tượng rò rỉ của đường ống này:

1) Nguyên vật liệu

Đường ống cốt sợi polime được làm từ sợi thủy tinh đã được ngâm tẩm với nhựa, quấn tuyến quanh khuôn, sau khi được làm cứng sẽ tháo khuôn. Vật liệu cơ bản là sử dụng nhựa polyester không bão hòa có liên quan trực tiếp tới tính năng của đường ống. Một số doanh nghiệp muốn hạ thấp chi phí đã lựa chọn loại nhựa thông dụng, rẻ tiền để chế tạo lớp lót

chống thấm bên trong của đường ống. Do loại nhựa này có độ giòn cao, độ giãn dài tại điểm đứt gãy thấp, khả năng chịu ăn mòn kém, ngoài ra, dưới tác dụng của trọng tải bên ngoài, giao diện giữa phần nhựa với nhau và giữa nhựa và sợi với nhau sẽ sản sinh ứng lực tập trung, gây ra đứt gãy với áp lực thấp. Chất lỏng sẽ thẩm thấu theo các vết nứt dạng mao quản, dưới tác dụng liên tiếp của tải trọng bên ngoài, vết nứt sẽ không ngừng lớn lên khiến thành phần vật liệu bị bong tróc, cuối cùng sẽ xảy ra tình trạng rò rỉ.

Sử dụng thuốc ngâm với chất lượng kém để tăng cường cho vật liệu sợi thủy tinh sẽ khiến tính năng của vật liệu kém đi, ảnh hưởng tới sự kết nối của nhựa và sợi, khiến cường độ giao diện kém, dễ hình thành ứng suất, làm gia tăng đứt gãy với áp lực thấp.

2) Thiết kế

Các yếu tố gây ra rò rỉ ở phương diện thiết kế chủ yếu là: thiết kế vật liệu, thiết kế công nghệ, thiết kế kết cấu và thiết kế đường ống.

Mặc dù đường ống cốt sợi polime có tính năng chịu ăn mòn tốt, tuy nhiên khả năng chịu ăn mòn này chủ yếu được quyết định bởi kết cấu chủ thể của nhựa. Nhựa polyester không bão hòa có rất nhiều nhãn hiệu, tính năng cũng hết sức đa dạng, vì vậy, tính năng chịu ăn mòn của đường ống cốt sợi thép polyme cũng khác nhau. Khi thiết kế vật liệu, nếu như không tiến hành phân tích tỉ mỉ về điều kiện sử dụng của đường ống, lựa chọn sai vật liệu, loại nhựa sử dụng không có tính chịu ăn mòn cao hoặc biến dạng nhiệt của nhựa thấp... đều sẽ tạo ra biến dạng hoặc ăn mòn hóa học.

Đường ống cốt sợi polime cũng là một loại vật liệu kết cấu, do chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố như vật liệu, thành phần cấu tạo, công nghệ định hình... nên khả năng biến thiên về tính năng vật lý, tính năng hóa học và tham số tính năng cơ học của đường ống khá lớn, đặc biệt là trong môi trường có tính ăn mòn, dữ liệu thiết kế thiếu hoàn thiện sẽ khiến việc thiết kế

kết cấu gặp nhiều khó khăn. Khi thiết kế kết cấu, nếu sử dụng các tham số chưa được kiểm chứng, hệ số an toàn bất hợp lý chắc chắn sẽ gây ra sự phá hoại về kết cấu, từ đó phát sinh rò rỉ.

Khi thiết kế công nghệ, nếu chưa sử dụng biện pháp chống thấm hiệu quả, bố trí đường ống thiếu coi trọng sự biến dạng nhiệt của đường ống, gây ứng suất nhiệt tập trung, từ đó dẫn tới rò rỉ.

3) Chế tạo

Sản xuất cốt sợi polime là tiến hành gia công đối với nguyên vật liệu theo một công nghệ nhất định, đồng thời với việc hình thành vật liệu phức hợp sợi polime là sự hình thành của các chế phẩm. Vì vậy, ảnh hưởng của quá trình chế tạo đối với chất lượng sản phẩm lớn hơn nhiều so với việc đưa vật liệu định hình gia công thành chế phẩm như thông thường. Cho dù là nguyên vật liệu giống nhau, công nghệ giống nhau, nhưng sản phẩm chế tạo do người thao tác khác nhau sẽ có chất lượng khác nhau.

Khi chế tạo đường ống cốt sợi polime, nếu không tiến hành kiểm soát chất lượng, không quán triệt quy trình công nghệ, lượng sử dụng vật liệu không đầy đủ và đồng đều sẽ khiến độ dày cục bộ hoặc toàn bộ thành ống không đủ. Khi chế tạo lớp lót trong, không tuân thủ theo yêu cầu hoặc khi chế tạo xong lớp lót trong, lớp bề mặt ngoài lại không bằng phẳng, tức khi quấn lớp kết cấu đã làm sản sinh các vết rạn nứt, phân tầng, lớp nhựa không hoàn chỉnh... Trong công nghệ làm cứng, độ cứng không đủ sẽ gây sản sinh các vết rạn ở bên trong khi tiến hành tách khuôn. Sau khi tách khuôn, nếu đặt để không đúng, đường ống sẽ bị biến dạng. Tất cả những thao tác không quy phạm nêu trên đều là những nguyên nhân gây rò rỉ.

4) Lắp đặt

Do không hiểu về đặc tính của sợi polime, trong quá trình vận chuyển việc bốc dỡ, đặt để không hợp lý... dễ khiến đường ống bị va chạm, tác động, khi sử dụng sẽ dễ xuất hiện rò rỉ.

Sai sót về bố trí đường ống trên mặt đất cũng là nguyên nhân gây rò rỉ, ví dụ khoảng cách giữa các bộ đỡ quá lớn, bề mặt các bộ đỡ không nằm trên một mặt phẳng khiến đường ống bị biến dạng. Đường ống có khoảng cách dài đa phần được chôn dưới mặt đất, do đặc tính của vật liệu sợi polime không cho phép các cục đá cứng tiếp xúc trực tiếp, đồng thời do độ lún của lớp đất nền không đồng đều, các cục đá cứng tác động, tời kéo không đúng, độ chôn sâu không đủ hay lấp đất không được đầm chặt... đều gây phá hoại hoặc làm biến dạng đường ống rồi dẫn tới rò rỉ.

Ngoài ra, tốc độ dòng nước bên trong hệ thống đường ống có sự thay đổi đột ngột cũng khiến áp lực dao động, việc đóng mở van quá nhanh, khởi động hoặc ngừng bơm... cũng có khả năng gây ra áp lực. Trong một số trường hợp, áp lực dao động này sẽ tác động tới hệ thống đường ống và đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra rò rỉ.

II. Biện pháp nâng cao khả năng chống rò rỉ

1) Lựa chọn hợp lý vật liệu

Các loại vật liệu đều có môi trường sử dụng, điều kiện và phạm vi ứng dụng của mình. Nên căn cứ theo điều kiện sử dụng (loại môi trường, nồng độ, nhiệt độ, áp lực...) để lựa chọn nguyên vật liệu thích hợp, đặc biệt là lớp lót trong đường ống cần lựa chọn loại nhựa có tính năng chống ăn mòn tốt, tính đàn hồi cao, tỷ lệ co ngót khi cứng thấp.

Chất lượng của nguyên vật liệu là điều kiện tiên quyết bảo đảm chất lượng sản phẩm, vật liệu phải trải qua kiểm nghiệm chất lượng nghiêm ngặt mới được lựa chọn sử dụng.

2) Thiết kế hợp lý

Để tăng cường chức năng chống thấm, có thể sử dụng kết cấu chống thấm phức hợp nhiều tầng, từ trong ra ngoài được cấu tạo bởi lớp chống ăn mòn, lớp chống thấm, lớp kết cấu và lớp bảo hộ bên ngoài. Lớp chống ăn mòn được cấu tạo bằng nhựa dẻo có khả năng chịu

ăn mòn, hàm lượng nhựa từ 80 - 90%, độ dày 0,1 - 1 mm. Lớp chống thấm chủ yếu được tạo thành bằng nhựa có khả năng chịu ăn mòn, độ kéo dài khi đứt gãy cao, hàm lượng nhựa từ 60 - 80%, độ dày 1 - 1,5 mm. Lớp kết cấu do sợi thủy tinh liên tiếp được ngâm nhựa và được quấn theo độ căng và góc độ nhất định, độ dày được xác định theo tính toán thiết kế kết cấu, lớp này chủ yếu có tác dụng chịu tải. Lớp bảo hộ do lớp nhựa phụ tạo thành, độ dày từ 0,1 - 0,5 mm.

Môi trường nhiệt độ và mức ứng lực cũng là những nhân tố quan trọng cần xem xét khi quyết định tính năng của của đường ống. Tiến hành thiết kế đường ống cũng nên xem xét tới sự ảnh hưởng của hệ số giãn nở. Do hệ số giãn nở nhiệt của đường ống cốt sợi polime khá lớn, ngoài các đường ống ngắn có mức thay đổi về nhiệt độ không lớn, các đường ống dài nên được lắp đặt các mấu nối (khớp nối linh hoạt) để giải phóng ứng suất nhiệt, để sự giãn nở nhiệt không gây phá hoại đường ống.

3) Tăng cường chất lượng quản lý

Tăng cường chất lượng quản lý trong quá trình sản xuất cũng là một biện pháp quan trọng để nâng cao năng lực chống thấm của đường ống cốt sợi polime.

Triển khai giáo dục, nâng cao ý thức chất lượng của nhân viên công tác. Tăng cường đào tạo kỹ năng vị trí làm việc, quán triệt nghiêm chỉnh việc chấp hành các chế độ công nghệ. Ngoài ra, cần tiến hành kiểm nghiệm tốt sản phẩm để đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng

trước khi xuất xưởng.

4) Lắp đặt theo yêu cầu quy phạm

Việc lắp đặt đường ống cốt sợi polime cần được tiến hành quy phạm theo công nghệ thi công lắp đặt có liên quan. Quy phạm công nghệ cần có những quy định chi tiết đối với khoảng cách bệ đỡ, kết cấu đường ống, phương pháp lắp đặt ống, chất đất khi chôn lấp, độ cao phân khu, yêu cầu đầm chặt...

Neo của hệ thống đường ống và các biện pháp chuyên môn có thể loại bỏ hiệu quả ảnh hưởng từ áp lực dao động. Do đường ống cốt sợi polime khá mềm, tác dụng của lớp đất xung quanh đường ống chôn lấp cũng là nhân tố quan trọng, mức độ biến dạng của đường ống phụ thuộc vào độ chặt của đất chôn lấp, cho nên phần đáy của rãnh đường ống phải được lèn chặt. Khi lắp đặt đường ống, cần chấp hành nghiêm yêu cầu quy phạm để nâng cao chất lượng lắp đặt, giảm thiểu phát sinh rò rỉ.

III. Kết luận

Nguyên nhân gây rò rỉ của đường ống cốt sợi polime chủ yếu là do 4 phương diện: vật liệu, thiết kế, chế tạo và lắp đặt. Để giải quyết vấn đề, cần lựa chọn hợp lý vật liệu, thiết kế hợp lý, tăng cường chất lượng quản lý và lắp đặt theo quy phạm.

Tôn Vĩnh Thái

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 7/2015*

ND: Kim Nhạn

Vật liệu, kết cấu, thiết bị & công nghệ mới trong thi công xây dựng nhà ở và đường giao thông ở Liên bang Nga

Trong bài này, tác giả đề xuất giải pháp cho vấn đề xây dựng nhà ở và các công trình cầu đường, các hạng mục kỹ thuật áp dụng phương pháp công nghiệp, có xét tới đặc điểm khí hậu và điều kiện vùng miền của Nga, ứng dụng các

vật liệu xây dựng mới, các kết cấu xây dựng hiện đại trên cơ sở bê tông cốt thép lắp ghép.

Lịch sử ngành Xây dựng thời kỳ Xô Viết đã ghi dấu sự hình thành và phát triển mạnh mẽ nhất của công nghệ bê tông cốt thép lắp ghép,

tính cả về sản lượng và số lượng các công trình xây dựng sử dụng vật liệu và công nghệ bê tông đúc sẵn. Hiện nay, xây dựng bê tông cốt thép lắp ghép chỉ chiếm tỷ trọng 40 - 45% tổng khối lượng xây dựng của Nga. Song các nhà xây dựng hy vọng rằng trong tương lai không xa, bê tông cốt thép lắp ghép sẽ lấy lại vị thế trong lĩnh vực xây dựng, bởi những ưu thế khó có thể phủ nhận của công nghệ này.

Theo Chiến lược phát triển ngành Nhà ở và công trình công cộng đến năm 2020 vừa được Chính phủ Nga thông qua hồi đầu năm nay, để đạt được mục tiêu tới năm 2018 đưa vào sử dụng 30 triệu m² sàn nhà ở và tới năm 2020 là 60 triệu m²; nhiệm vụ trước mắt đối với các nhà quản lý xây dựng là cần tiến hành quy hoạch việc ứng dụng các công nghệ xây dựng mới, đồng thời đề ra các chính sách cung cấp tài chính đúng đắn và hợp lý. Hệ khung lắp ghép IMET (Viện Nghiên cứu vật liệu và công nghệ xây dựng Moskva) là một công nghệ mới trong công nghiệp xây nhà cao tầng, đã được Hội đồng khoa học - kỹ thuật thuộc Ủy ban Xây dựng & Kiến trúc thành phố Moskva thông qua hồi tháng 5/2006 kèm khuyến nghị ứng dụng đại trà tại thủ đô Moskva. Hàng trăm tòa chung cư cao tầng đã được xây dựng tại Thủ đô và lan tỏa ra toàn vùng Moskva. Công nghệ khung lắp ghép IMET, cùng với các sản phẩm xây dựng đồng bộ (ống thép, cáp, neo, tấm sàn, sỏi keramzit, xi măng, ván khuôn...) là một thành công lớn của ngành xây dựng Nga.

Gần chục năm trôi qua, kể từ thời điểm đó, các nhà thiết kế, nhà xây dựng Nga dường như “ngủ quên” trước những biến đổi hàng ngày trên thị trường xây dựng thế giới.

Trong xây dựng giao thông hiện đại, để thi công các tuyến đường ô tô, các đường băng sân bay và đường sắt, các công trình - hạng mục kỹ thuật như cầu cống, đường hầm... đạt chất lượng cao, nhất thiết cần dựa trên cơ sở các công nghệ mới, các vật liệu mới (như bê tông cấu trúc nano) và các kết cấu mới.

Theo ý kiến của các chuyên gia cầu đường, mặt đường bằng bê tông xi măng luôn là giải pháp hàng đầu trong công tác cầu đường, rất phổ biến tại nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới. Hiệu quả kinh tế của giải pháp công nghệ này khá cao, do không cần chi phí để chuẩn bị nền đường. Việc lắp ráp nhanh các tấm bê tông cốt thép chế tạo sẵn trong nhà máy để làm lớp phủ mặt đường có thể tiến hành ở bất cứ thời điểm nào trong năm, tại bất cứ vị trí thi công nào. Công nghệ xây đường ô tô từ các tấm bê tông cốt thép lắp ghép đặc biệt thích hợp với các đường cao tốc, đường băng sân bay. Nếu thi công đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, mặt đường này sẽ có tuổi thọ cao, độ cứng lớn, ổn định đối với nước, ít hao mòn, thích ứng với mọi loại phương tiện giao thông (xe ô tô), bảo dưỡng đơn giản, chi phí cho việc duy tu sửa chữa hàng năm luôn ở mức tối thiểu. Theo nhiều chuyên gia, tùy theo điều kiện đất nền và tải trọng trục xe, giá thành của mặt đường bê tông cốt thép lắp ghép có thể cao hơn từ 1,5 - 1,8 lần so với mặt đường bê tông nhựa, song tuổi thọ lại gấp 3 - 4 lần, nên tổng giá thành quy đổi thấp hơn. Đây là giá trị nổi bật của mặt đường bê tông cốt thép lắp ghép.

Công nghệ bê tông cốt thép lắp ghép được ứng dụng vào Nga từ giữa thế kỷ XX. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan (và cả chủ quan), công nghệ này dường như đã bị các đơn vị xây dựng giao thông của Nga lãng quên. Giai đoạn từ khi Liên Xô sụp đổ cho tới những năm 2005 - 2006, ngành cầu đường Nga chỉ biết tới công tác xây mới và sửa chữa định kỳ các lớp phủ đường bằng nhựa bê tông át phan - vật liệu kém hiệu quả, kém bền vững, mỗi năm tốn mất hàng trăm tỷ rúp của những người đóng thuế. Phải tới năm 2006, vấn đề nâng cấp và xây mới các tuyến đường giao thông mới được Cục đường bộ Liên bang và Chính phủ Nga dành sự quan tâm và đầu tư thích đáng. Cũng bắt đầu từ đây, công nghệ xây dựng mặt đường bê tông cốt thép có triển vọng khôi phục và

phát triển tại nước Nga hiện đại.

Tại Mỹ, Canada, Nhật Bản, Trung Quốc, việc xây dựng mặt đường bằng bê tông xi măng cũng như các công trình hạng mục kỹ thuật khác bằng bê tông cốt thép lắp ghép đã trở thành công nghệ cơ bản của ngành cầu đường. IMET mới đây đã đề xuất công nghệ cải tiến, với các tấm bê tông cốt thép ứng lực trước để làm đường được sản xuất trong nhà máy, và được vận chuyển tới địa điểm thi công. Khác với các tấm bê tông cốt thép thông thường, các tấm bê tông cốt thép theo công nghệ IMET được bổ sung thêm thép ở phần tâm theo cả hai chiều dọc và ngang; và các mặt bên của tấm được xẻ rãnh. Khi lắp ráp và cố kết các tấm với nhau, điều này giúp cho mặt đường đạt độ bằng phẳng tối đa, nhất là với các đoạn đường làn rộng. Bề dày các tấm, đường kính cốt thép, và mác bê tông được xác định theo tải trọng nâng của mặt đường.

Hiệu quả kinh tế cao của công nghệ IMET thể hiện ở năng lực chịu tải của các tấm được nâng cao, thời hạn khai thác kéo dài hơn, do được gia cường thêm cốt thép chịu lực trong một kết cấu đồng nhất. Hơn nữa, công nghệ IMET giúp đơn giản hóa công đoạn thi công, không đòi hỏi các công tác khác như đào đắp khi làm nền, vận chuyển và lắp ráp; không cần đầm nén một khối lượng lớn đá dăm và cát.

Bản chất của công nghệ IMET có thể tóm lược như sau: Với sự hỗ trợ của cốt thép và các mặt bên được xẻ rãnh, các tấm sẽ được cố kết với nhau thành từng khối gồm 10 - 15 tấm dọc theo mặt con đường bằng các ngàm, và được đặt trên lớp đệm cát dày từ 15 - 20 cm được phủ các băng polyetylene. Các cốt thép có khả năng chống chịu tốt mọi tác động của môi trường bên ngoài, và được kéo căng với lực kéo từ 5 - 30 tấn (tùy theo số lượng các tấm và chiều dài của cả bó); các ngàm sẽ cố kết chặt bằng các mỏ neo.

Kết quả thử nghiệm công nghệ IMET trên một đoạn quốc lộ nổi Nhenhets và thị trấn

Izmailov (vùng tự trị Nhenhets - cực bắc nước Nga) cho thấy: mặt đường hoàn thiện nhanh và có thể đưa vào sử dụng ngay trong khoảng thời gian rất ngắn; bền vững bởi có thể hoạt động như một kết cấu đồng nhất. Thậm chí, các tấm bê tông có thể đặt trực tiếp lên nền đất, mà khi đất trương nở trong ngưỡng cho phép không làm biến dạng hay giảm chất lượng mặt đường. Công nghệ này được người Mỹ thử nghiệm và ứng dụng đầu tiên trên thế giới khi tiến hành xây các đường băng của sân bay quân sự.

Nước Nga thời kỳ Xô Viết đã tích lũy được kinh nghiệm vô cùng phong phú trong sản xuất và ứng dụng các sản phẩm bê tông cốt thép lắp ghép. Hiện nay, các nhà máy bê tông cốt thép trong nước hàng năm sản xuất được hàng nghìn tấm phủ mặt đường bằng bê tông cốt thép ứng lực trước đáp ứng tiêu chuẩn GOST 21924.0 - 84 áp dụng cho các con đường nội đô (các tấm này có thể duy trì mức chịu tải từ 10 - 30 tấn/ m²). Các nhà sản xuất trong nước cũng sản xuất các tấm phủ đặc biệt áp dụng cho mặt đường băng sân bay theo tiêu chuẩn GOST 25912.0-91, với khả năng duy trì mức tải trọng tới 50 - 75 tấn/ m².

Sự thay đổi bề dày các tấm có thể điều tiết tải trọng cho phép của các phương tiện giao thông. Trong tổng chi phí xây dựng các tuyến đường và đường băng sân bay, các hạng mục kỹ thuật như cầu, đường hầm, cầu vượt chiếm một phần không nhỏ. Rất nhiều công trình, hạng mục kỹ thuật giao thông áp dụng vật liệu và công nghệ truyền thống nên tiêu tốn rất nhiều thép và bê tông cho từng mét vuông công trình. (Những năm gần đây, các cầu vượt tại Moskva hầu hết được xây bằng thép). Mỹ, Nhật Bản, Đức, và nhiều nước tiên tiến khác từ lâu đã rất chú trọng việc sản xuất và ứng dụng các cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép rỗng kích cỡ lớn trong xây dựng giao thông, đặc biệt hiệu quả khi ứng dụng làm đường nhiều làn, mặt đường rộng. Những tấm bê tông cốt thép kích thước lớn được đặt ngang mặt đường (chiều dài mỗi

tấm có thể đạt 27,5 - 28 m), gối lên các cọc chịu lực và cố kết với nhau trong một kết cấu thống nhất bằng cốt thép. Giải pháp này rất phù hợp với những đường có 2, 3, 4 làn xe theo cùng một hướng, có tính tới các yêu cầu hiện đại - chiều rộng mỗi làn đường tối thiểu cần đạt 3,5 m (tức là chiều rộng thẩm mỹ có tính cả lề đường, vỉa hè... cần đạt xấp xỉ 8 m để có thể lưu thông 2 hàng). Các tuyến đường cao tốc và đường sắt tại Nga (với đặc điểm khí hậu, đặc điểm vùng miền) có thể xây dựng, duy tu, sửa chữa vào bất cứ thời điểm nào trong năm, trên cơ sở ứng dụng các cấu kiện bê tông cốt thép lớn dưới dạng các kết cấu rỗng ứng lực trước được sản xuất tại các nhà máy bê tông cốt thép, được cố kết tại địa điểm thi công bằng cốt thép ứng lực trước, hoặc công nghệ căng sau.

Năm 2012, tiêu chuẩn của Hiệp hội Xây dựng Nga 36554501-025-2011 "Cọc ống bê tông" đã ra đời, trong đó quy định rõ: cọc có thể được bịt kín phía trên bằng các tấm panel polycarbonate, tạo sự thuận lợi và phù hợp với mọi điều kiện khí hậu, dù mưa hay bão tuyết. Trong các khoảng trống giữa các kết cấu kiên kết, có thể bố trí mạng kỹ thuật - cáp hoặc mạng thông tin liên lạc.

Như vậy, để góp phần giải quyết vấn đề xây dựng giao thông tại Nga hiện nay, cần hiện đại hóa các cơ sở sản xuất và cơ sở vật chất - kỹ thuật (trước hết là các nhà máy sản xuất bê tông cốt thép công suất lớn trên cả nước, song

chỉ hoạt động ước tính 40% công suất thiết kế); nâng cao trình độ của đội ngũ kỹ sư - công nhân; trang bị kỹ năng - khả năng tiếp cận các công nghệ mới, vật liệu mới; xác định được những nhiệm vụ trọng tâm, đề ra kế hoạch có tầm vĩ mô. Việc chuyển đổi các nhà máy bê tông cốt thép sang sản xuất bê tông trên cơ sở xi măng cấu trúc nano ít clinker; việc ứng dụng rộng rãi các kết cấu mới có tuổi thọ cao trong công tác xây lắp các công trình cầu đường, cầu vượt, hầm chui, bãi đỗ xe... cũng như các hạng mục kỹ thuật khác - dù xây ngầm hay xây nổi đều cần tính tới quy hoạch phát triển giao thông nói chung của Nga.

Công nghệ xây mới các tuyến đường giao thông có ứng dụng bê tông cốt thép lắp ghép đã được Ủy ban giao thông thuộc Duma quốc gia Nga xem xét và bày tỏ sự đồng thuận cao. Việc khai thác các vật liệu mới, các sản phẩm, kết cấu và công nghệ mới trong xây dựng cầu đường sẽ là một triển vọng để Nga giải quyết nhiệm vụ chiến lược quan trọng - trong thời gian ngắn cần xây dựng và hoàn thiện tại các vùng miền khác nhau của đất nước một mạng lưới đường ô tô và đường sắt chất lượng cao, có thời hạn khai thác sử dụng ít nhất 40 - 50 năm.

S. Anatoliev

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga
tháng 8/2015*

ND: Lê Minh

Trung Quốc thúc đẩy hoạt động xây dựng xanh

Thời gian gần đây, để giải quyết tình trạng khói bụi trên địa bàn, tỉnh Sơn Đông, (Trung Quốc) đã kiên quyết đóng cửa hàng loạt cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng. Từ năm 2008 trở lại đây, nhận thức của người dân trong tỉnh về vấn đề bảo vệ môi trường đã được nâng cao, yêu cầu về xanh hóa môi trường sống cũng được nâng lên.

Bên cạnh những nhu cầu thiết yếu của con

người như ăn, mặc, ở, đi lại... để hướng tới một đời sống ngày một tốt hơn, thì nhu cầu về nhà ở cũng ngày càng cao hơn. Người dân hiện nay không chỉ muốn sở hữu những ngôi nhà rộng rãi và hiện đại mà quan trọng hơn là cần được sống trong một ngôi nhà có cảm giác thoải mái nhất. Sự tồn tại của nhà ở không nên trở thành gánh nặng của địa cầu, nhà ở thuộc mô hình xây dựng xanh và bền vững trở thành nhu cầu

theo đuổi của con người hiện đại.

Tập đoàn trí tuệ Viễn Đại (tập đoàn Viễn Đại) của Trung Quốc trong những năm qua đã tiên phong trong việc áp dụng các kỹ thuật xây dựng tiên tiến của thế giới, tận dụng đặc tính có thể tái chế của kết cấu thép trong xây dựng để phát triển các kỹ thuật xây dựng mang phong cách riêng, xây dựng các tòa nhà cao tầng kết cấu thép thân thiện với môi trường.

Sử dụng kết cấu thép trong xây dựng công trình

Xây dựng các công trình cao tầng giúp cho việc tiết kiệm diện tích đất, nhưng nếu theo cách xây dựng truyền thống, thì công trình cao tầng lại không đạt được hiệu quả cao nhất về giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng, trong quá trình xây dựng làm phát sinh một lượng lớn bụi, phế thải xây dựng...

Để khắc phục các hạn chế của phương pháp xây dựng truyền thống, Tập đoàn Viễn Đại lựa chọn chuyên sâu vào kỹ thuật xây dựng kết cấu thép, tạo ra các công trình cao tầng có khả năng bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng hơn.

Công trình kết cấu thép có thể giảm bớt được phần lớn lượng bụi phát sinh từ hoạt động thi công truyền thống, hướng tới trở thành những công trình xanh. Không chỉ có vậy, công trình kết cấu thép có nhiều ưu điểm so với công trình kết cấu bê tông cốt thép. Độ cứng của kết cấu thép so với bê tông cốt thép là ngang nhau nhưng lại nhẹ hơn bê tông cốt thép từ 30 tới 50% trọng lượng. So với nhà ở có kết cấu bê tông cốt thép, trọng lượng nhà ở có kết cấu thép nhẹ chỉ chiếm khoảng 1/4 so với cách xây dựng truyền thống, điều này giảm được rất nhiều những vấn đề ảnh hưởng tới độ cao của công trình kiến trúc.

Ưu điểm lớn nhất khi sử dụng kiểu kiến trúc kết cấu thép là nguyên vật liệu có thể tái sử dụng. Không chỉ có vậy kiến trúc kết cấu thép còn có ưu điểm bảo vệ môi trường.

Do kiến trúc kết cấu thép chọn dùng phương

pháp sử dụng khung kết cấu thép thay thế cho khung gỗ theo kiểu kết cấu xây nhà truyền thống, sử dụng 100% nguyên vật liệu là thép, giữa các bộ phận dùng đinh và ốc nối lại, không sử dụng bất kỳ một mối hàn hay chất kết dính nào vì vậy giảm một lượng lớn các tác nhân hóa học độc hại, làm cho nhà ở càng trở nên an toàn và bảo vệ môi trường hơn.

Độ dẻo của kết cấu thép cũng làm cho kiến trúc kết cấu thép có khả năng chống động đất rất tốt, tập đoàn Viễn Đại chọn dùng kỹ thuật tiên tiến nhất để xây dựng lên những tòa nhà có khả năng chịu được động đất lên tới 9 độ richter.

Kiến trúc kết cấu thép do đặc tính nguyên liệu kết cấu thép nhẹ nên kiểu kết cấu này không giống với kiến trúc truyền thống. Kiến trúc kết cấu thép có thể sản xuất một lượng lớn, rất nhiều cấu kiện có thể sản xuất ngay tại xưởng, không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, có thể rút ngắn thời gian xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc chế tạo các cấu kiện trong xưởng được thông qua quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt lên luôn được bảo đảm về chất lượng. Hiện nay tập đoàn Viễn Đại sử dụng cách sản xuất bộ phận hóa, tức là sử dụng đặc tính của kết cấu thép, lấy chủ đề kiến trúc và hoàn thành ở xưởng sản xuất, ở công trường xây dựng chỉ cần tiến hành lắp dựng, thi công một cách nhanh chóng một công trình cao tầng.

Tiết kiệm đất và phát triển cacbon thấp

Hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh của các đô thị trên cả nước, Trung Quốc đã đề ra chủ trương về phát triển cacbon thấp và tiết kiệm đất xây dựng. Tiết kiệm đất xây dựng bao hàm cả việc nâng cao hiệu quả sử dụng đất

Tập đoàn Viễn Đại như là một mô hình tiêu biểu về sử dụng đất hiệu quả, những công trình kiến trúc cao tầng được xây dựng của tập đoàn chỉ sử dụng 1/3 chỉ tiêu diện tích đất để đáp ứng nhu cầu về các mặt như sinh hoạt, làm việc và nghỉ ngơi của người dân ở đô thị, cung cấp một lối sống sinh hoạt ở đô thị hoàn toàn mới bền vững và có chất lượng tốt nhất.

Các công trình kiến trúc có thể “thở”

Do khói, bụi và ô nhiễm không khí tại các thành phố ngày một nhiều, nên người dân đã bắt đầu chú ý đến các công trình xanh. Các công trình cao tầng của Tập đoàn Viễn Đại sử dụng những hệ thống kỹ thuật tiên tiến của thế giới về xử lý không khí trong phòng. Hệ thống này không chỉ lọc không khí mà còn có thể loại bỏ các tạp chất ô nhiễm trong không khí, sung ô xy cho không khí trong phòng.

Ngành Xây dựng là ngành có tác động trực tiếp tới môi trường. Hoạt động xây dựng sử dụng bê tông, gỗ... từ thiên nhiên, mặt khác, quá trình thi công còn làm phát sinh nhiều phế thải, bụi bẩn, tiếng ồn.

Sử dụng kết cấu thép và các biện pháp thi công mang tính đặc thù, các công trình cao tầng do Tập đoàn Viễn Đại thực hiện chỉ mất khoảng 1/3 thời gian xây dựng, 1/3 chi phí nhân

công và 1/3 chi phí vận chuyển so với các công trình có quy mô tương tự bằng bê tông cốt thép.

Để tiếp tục nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất và giảm tiêu hao năng lượng, Tập đoàn Viễn Đại đang tập trung đồng bộ việc “sản xuất, sản phẩm, thương mại và dịch vụ”, để cung cấp phương án giải quyết đồng bộ và chuyên nghiệp cho đời sống của đô thị.

Nhu cầu về nâng cao chất lượng cuộc sống và tiêu chuẩn về môi trường là những tiền đề để Tập đoàn Viễn Đại tiếp tục nghiên cứu, sáng tạo và áp dụng các kỹ thuật xây dựng xanh tiên tiến, ngày càng tạo ra nhiều công trình xanh, đáp ứng cho sự phát triển của đô thị và nhu cầu của người dân.

Âu Dương Đan Mai

Nguồn: Tạp chí xây dựng TQ, số 16/2015

ND: Khánh Ly

Chiến lược sử dụng đất của đô thị hóa kiểu mới

Mức độ văn minh của con người không ngừng nâng cao, tầm quan trọng của việc sử dụng đất có hiệu quả đã từng bước mở rộng trên toàn lãnh thổ. Gần đây Trung Quốc đã giới thiệu quy hoạch đô thị hóa kiểu mới quốc gia, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhưng bằng cách nào mới có thể sử dụng đất hiệu quả, cần xét kỹ lưỡng từ các cấp chiến lược.

1. Bảo vệ đất nông nghiệp

Thông qua nội dung chiến lược của quốc gia, ưu tiên hàng đầu hiện nay của Trung Quốc là việc sử dụng đất, đặc biệt là bảo vệ nghiêm ngặt đất nông nghiệp, làm sao để ổn định sản lượng ngũ cốc, để người dân có thể tự cung tự cấp thức ăn. Nếu thu hồi đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích khác, vấn đề thực phẩm sẽ trở thành vấn đề lớn, cho dù trong tay có nhiều tiền đi chăng nữa, thì cũng không bù đắp được thiệt hại, bởi vì, tiền có thể bị mất giá, thậm chí còn mất giá trị, nhưng đất thì không.

Hiện đất nông nghiệp của Trung Quốc đang

phải đối mặt với 2 mối đe dọa lớn là: ô nhiễm đất và xây dựng lấn chiếm. Đất bị ô nhiễm, nguyên nhân phức tạp, chủ yếu là ô nhiễm nước và không khí. Bảo vệ đất nông nghiệp không để chiếm dụng xây dựng, xem việc bảo vệ đất nông nghiệp như là bảo vệ các di tích văn hóa trọng điểm, phải có quy định pháp luật nghiêm ngặt, khảo sát chi tiết rõ ràng. Đối với đất nông nghiệp được hoạch định và bảo vệ, bất luận vì lý do gì, cũng không được phép sử dụng cho các mục đích khác, ngay cả khi có nhu cầu sử dụng làm đường giao thông, nếu rơi vào trường hợp này, có thể làm đường hầm hoặc đường trên cao. Điều này, cần thiết phải xây dựng “Luật bảo vệ đất nông nghiệp”, nó sẽ hỗ trợ về mặt đồng bộ pháp lý trong quy hoạch đô thị hóa kiểu mới, và cần kiên quyết quán triệt thực hiện.

Trong Luật bảo vệ đất nông nghiệp, cần xử lý thỏa đáng mối quan hệ lợi ích giữa người sở hữu đất nông nghiệp với cộng đồng. Đất đai ở khu vực ngoại ô đô thị và thị trấn, nhờ sự xây

dựng cơ sở hạ tầng của đô thị nên cũng nâng cao giá trị, kéo theo mức cho thuê cũng tăng, vượt trên cả lợi ích trồng trọt mà đất nông nghiệp mang lại. Điều này đã tạo ra khoảng cách doanh thu rõ rệt, lấn chiếm đất nông nghiệp ngoại thành sẽ mang lại sự thúc đẩy kinh tế mạnh mẽ. Tuy nhiên, nếu dùng pháp luật cưỡng chế, những người sở hữu đất nông nghiệp vùng ngoại ô sẽ không được bồi thường kinh tế hợp lý.

Việc xây dựng tiêu chuẩn bồi thường đất nông nghiệp vùng ngoại ô hợp lý, là một vấn đề phức tạp không tránh khỏi, cần thiết phải điều tra và nghiên cứu cẩn thận, trung cầu dân ý. Để giảm thiểu chủ quan và độc đoán, cần tham khảo giá thị trường chuyển nhượng đất quy hoạch xây dựng trong khu vực, giá cho thuê đầu tư xây dựng trong nhiều năm khác nhau, cứ mỗi 3 - 5 năm lại điều chỉnh giá đất nông nghiệp một lần, đảm bảo lợi ích của tất cả các bên.

2. Kiểm soát phát triển các tòa nhà

Lấy con người làm gốc, tính toán hiệu quả sử dụng đất trong quá trình thực hiện đô thị hóa kiểu mới, không phải chỉ cần mật độ dân số và hệ số xây dựng càng cao càng tốt. Trên thực tế, hiện một số thành phố lớn của Trung Quốc đã có những tòa nhà cao chọc trời, không ít các thị trấn vừa và nhỏ rải rác khắp mọi nơi, trong tương lai sẽ mang lại không ít lo lắng cho các nhà lãnh đạo của Trung Quốc. Vì vậy, ngay từ thời điểm này, cần thiết phải khai thác tiềm năng sử dụng đất đô thị. Thứ nhất là xử lý tất cả các khu phát triển kinh tế kỹ thuật công nghiệp trên cả nước, trong nhiều năm không có hiệu quả hoặc trong những năm gần đây về cơ bản đã ngừng phát triển hay bị thu hồi; hai là kiểm soát mật độ dân số và số lượng xây dựng nhà cao tầng tại các đô thị và thị trấn sao cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện đô thị hóa cũng cần hỗ trợ ngành công nghiệp, và do đó cần thiết lập một số khu vực phát triển kinh tế kỹ thuật công nghiệp. Nhưng theo yêu cầu của bố cục lực lượng sản xuất hợp lý, khu phát triển

công nghiệp không nên ở khắp mọi nơi, không nhất thiết đô thị hay thị trấn nào cũng phải có. Cụ thể mà nói, chỉ có ngành dịch vụ mới phải luôn đồng hành với người dân, còn khu phát triển công nghiệp chưa chắc đã không phù hợp tập trung gần người dân như vậy. Chẳng hạn ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, khai thác khoáng sản, thủy điện, ngành công nghiệp năng lượng gió... phải luôn gắn liền với các vị trí có tài nguyên, không phù hợp xây dựng trong khu phát triển đô thị và thị trấn. Tuy nhiên, đối với các ngành công nghiệp máy móc, ô tô, điện tử, công nghiệp hóa... lại rất phù hợp cho việc phát triển tập trung để đạt được hiệu quả kinh tế, tăng cường lực cạnh tranh quốc tế. Điều này có nghĩa, những khu phát triển này nên trải rộng khắp các đô thị và thị trấn trên cả nước một cách hợp lý, giữa các khu sẽ hình thành nên sự cạnh tranh mạnh mẽ, và quy luật mạnh sẽ tồn tại, yếu sẽ bị đào thải, từ đó chắc chắn sẽ có nhiều đất nhàn rỗi.

Do đất đô thị khan hiếm, nên cần thiết phải xây dựng một số khu nhà cao tầng, để có thể tạo nơi cư trú cho nhiều người, nhưng không phải vì thế mà xây dựng tràn lan, làm sao đáp ứng một cách phù hợp và khoa học. Các tòa nhà cao tầng và những căn hộ quá nhiều, chắc chắn sẽ khiến cho các thành phố lớn rơi vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan: một là các nhà cao tầng mọc lên như rừng, mật độ dân số quá đông; hai là những căn hộ nhỏ nhiều vô kể, nhưng lại bị bỏ phí và trở thành đống đổ nát. Kết quả chung của tình trạng khó xử này, sẽ lại một lần nữa khiến Trung Quốc rơi vào sai lầm phải phá dỡ nhà ở đô thị và thị trấn như 30 năm trước. Do đó, để tránh tình trạng này, làm sao các thành phố lớn trở nên dễ sống, cần thiết phải có cách nhìn dài hạn, đổi mới tư duy, hướng dẫn quy hoạch đô thị và thị trấn một cách có khoa học.

3. Quy hoạch hệ thống giao thông một cách thuận tiện

Khi những thành phố lớn thực hiện mở rộng,

cần thiết phải quy hoạch hệ thống giao thông phù hợp, việc làm này không những làm tăng hiệu quả vận hành trong thành phố, mà còn có hiệu quả trong việc ngăn ngừa và xử lý những căn bệnh trong các thành phố lớn. Nói cách khác, có thể giảm ùn tắc giao thông cục bộ trong thành phố, giảm thời gian đi lại trên đường cho người dân.

Để đảm bảo giao thông đô thị được thông suốt, điều này phụ thuộc rất nhiều vào nội dung quy hoạch, cần thiết xây dựng một mạng lưới giao thông thuận tiện. Để phân bố mạng lưới giao thông thuận tiện và nhanh chóng, không

nhất thiết phải quá gần, giữa các trạm cần có khoảng cách nhất định, lịch trình phải đủ dài. Thành phố nào có hệ thống giao thông thuận tiện, có thể giải quyết vấn đề lớn giao thông trong thành phố và sẽ chắc chắn sẽ phát triển hơn các thành phố khác.

Lưu Tuệ Dũng

Phó Chủ tịch Hiệp hội Đầu tư Trung Quốc

Nguồn: <http://www.jzsbs.com>

(Thời báo Xây dựng - Bản điện tử của

Trung Quốc, ngày 13/10/2015)

ND: Bích Ngọc

Hội nghị tập huấn về công tác thông tin đối ngoại ngành Xây dựng

Ngày 16/10/2015, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì Hội nghị tập huấn công tác thông tin đối ngoại ngành Xây dựng, với sự tham gia của 50 cán bộ chuyên trách và lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng. Các diễn giả của Hội nghị gồm có ông Lê Văn Nghiêm - Cục trưởng Cục Thông tin đối ngoại, Bộ Thông tin và Truyền thông; ông Trịnh Minh Anh - Phó Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo Liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Bộ Công thương; ông Phạm Khánh Toàn - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết: Việt Nam hiện đang trong quá trình hội nhập và phát triển mạnh mẽ, đồng thời là thành viên của nhiều hiệp ước quốc tế, do đó nhận thức và xử trí linh hoạt, hiệu quả các thông tin đối ngoại là vấn đề đặc biệt quan trọng. Buổi tập huấn với sự tham dự của các chuyên gia đến từ Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng sẽ giúp trang bị cho các cán bộ chuyên trách và lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng những kiến thức cần thiết về thông tin đối ngoại, đặc biệt là những thông tin về mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, những cam kết, định hướng của Bộ Xây dựng trong hoạt động thông tin đối ngoại.

Ông Lê Văn Nghiêm đánh giá Bộ Xây dựng là một trong những đơn vị của Chính phủ tiên phong trong lĩnh vực thông tin đối ngoại nhằm xúc tiến hội nhập quốc tế, song trong thời gian tới, Bộ Xây dựng cần triển khai mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa công tác thông tin đối ngoại để quảng bá hình ảnh, các lĩnh vực hoạt động của Bộ ra cộng đồng quốc tế, đẩy mạnh phát triển ngành.

Bên cạnh việc nêu lên các yêu cầu của thông tin đối ngoại, các vấn đề hội nhập kinh tế giai đoạn mới, xu thế hội nhập kinh tế thế giới



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì buổi tập huấn

và khu vực của Việt Nam, ông Lê Văn Nghiêm trình bày khái quát về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định TPP) và sự tham gia của Việt Nam.

Ông Nghiêm cho biết, Việt Nam được các nước đánh giá cao khi tham gia đàm phán TPP vì các lý do: Trong những năm qua, Việt Nam đã chứng tỏ là một quốc gia năng động, nhất quán thi hành đường lối Đổi mới, nghiêm túc trong việc thực thi các cam kết quốc tế, có môi trường chính trị ổn định và đang có vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực, là đối tác quan trọng của các nước, có thể giúp tăng ảnh hưởng của TPP; Việt Nam có quy mô dân số khá lớn, phát triển kinh tế năng động, hứa hẹn trở thành thị trường có sức mua lớn, là điểm đến được doanh nghiệp các nước, nhất là tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương quan tâm; Việt Nam là nước đang phát triển ở trình độ thấp, việc Việt Nam có thể tham gia thành công vào TPP sẽ là bằng chứng thuyết phục về việc Hiệp định TPP thực sự quan tâm đến các nước đang phát triển. Đây là yếu tố quan trọng thu hút các nước có trình độ phát triển chưa cao cùng tham gia TPP.

Về hoạt động thông tin đối ngoại ngành Xây dựng, ông Phạm Khánh Toàn cho biết, đến nay Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, Bộ

Xây dựng đã tích cực hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, như: Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và nhiều nghị định, thông tư hướng dẫn kèm theo, đồng thời triển khai Đề án tái cơ cấu ngành Xây dựng.

Ông Phạm Khánh Toàn cũng cho biết, Xây dựng đã và đang rất chú trọng đến việc phát triển mối quan hệ với các nước trên lĩnh vực xây dựng, thông qua việc ký kết các Biên bản ghi nhớ, phối hợp thực hiện các dự án về xây dựng,

phát triển đô thị, vật liệu xây dựng, tăng trưởng xanh, đối phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Hiện nay, Bộ Xây dựng cũng đang tích cực xây dựng những ấn phẩm truyền thông dành cho các đối tác nước ngoài, nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến hình ảnh Bộ Xây dựng cũng như các lĩnh vực ngành Xây dựng quản lý đến với các nước trên thế giới.

Trần Đình Hà

Thị xã Chí Linh được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hải Dương

“Việc thị xã Chí Linh được nâng loại đô thị sẽ đem đến những cơ hội trong việc thu hút các nguồn lực và sự quan tâm đầu tư nhằm tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc tỉnh nói riêng và toàn tỉnh Hải Dương nói chung” - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh phát biểu tại buổi lễ trao Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận thị xã Chí Linh là đô thị loại III, trực thuộc tỉnh Hải Dương, diễn ra ngày 17/10/2015, tại thị xã Chí Linh.

Thị xã Chí Linh nằm về phía Đông Bắc tỉnh Hải Dương, trong vùng địa hình bán sơn địa, nơi có núi cao đồng bằng xen kẽ và là nơi hợp lưu của 6 con sông (sông Cầu, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Kinh Thầy, sông Thái Bình), đồng thời nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Vành đai công nghiệp Bắc Ninh - Chí Linh - Đông Triều - Mạo Khê - Uông Bí - Hạ Long, thị xã Chí Linh có vị trí đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế vùng phía Bắc của tỉnh Hải Dương. Đây là một trong những đô thị nằm trong hành lang kinh tế QL 18, QL 37, tuyến quốc lộ kết nối với các tỉnh/ thành phố lớn thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh.

Thị xã Chí Linh được thành lập ngày 12/02/2010 theo Nghị quyết số 09/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở huyện Chí Linh, bao gồm



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh trao quyết định cho đại diện lãnh đạo UBND thị xã Chí Linh

8 phường nội thị và 12 xã ngoại thị. Chí Linh là một trong hai đô thị lớn của tỉnh Hải Dương (sau thành phố Hải Dương). Thị xã Chí Linh nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Hải Dương, có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế vùng phía Bắc của tỉnh Hải Dương và là một trong các đô thị nằm trong hành lang kinh tế QL 18, QL 37 và các tuyến kết nối Hải Dương với các tỉnh/thành phố lớn thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ như: Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh.

Hiện nay, cơ cấu kinh tế của thị xã đang tăng dần tỷ trọng ngành thương mại - công nghiệp - dịch vụ. Trong đó, công nghiệp và phát triển du lịch gắn liền với các lễ hội truyền thống đang dần trở thành thế mạnh của đô thị. Những

năm qua, thị xã Chí Linh chú trọng đặc biệt đến công tác quản lý đô thị và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch và có kế hoạch, cơ sở hạ tầng đô thị từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ, tăng cường dịch vụ đô thị theo hướng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân đô thị.

Với những kết quả đạt được trong quá trình phát triển đô thị, ngày 25/6/2015 thị xã Chí Linh đã được công nhận là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hải Dương theo Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 25/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị UBND tỉnh Hải Dương rà soát các chương trình về phát triển đô thị của tỉnh, phát triển du lịch, công nghiệp, nhà ở... tập trung nguồn lực đầu tư để hoàn thiện và chỉnh trang cơ sở hạ tầng đô thị, đẩy nhanh tiến độ của các dự

án xây dựng, chỉnh trang đô thị, xây dựng cơ chế chính sách để thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững gắn với việc bảo tồn các giá trị di sản, thúc đẩy quá trình đô thị hóa của tỉnh. Cùng với đó, cần tăng cường năng lực quản lý đô thị, khai thác đặc trưng của đô thị, quan tâm tới công tác thiết kế đô thị, nâng cao chất lượng, môi trường sống đô thị.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ tin tưởng, với truyền thống của vùng đất địa linh nhân kiệt, chăm chỉ trong lao động, sáng tạo trong sản xuất, đoàn kết trong xây dựng bộ máy và chính quyền nhân dân, đô thị Chí Linh sẽ ngày càng phát triển theo đúng định hướng, quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị của tỉnh Hải Dương và Vùng Đông Bắc Bộ.

Trần Đình Hà

Hội thảo góp ý Dự thảo Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng

“Nghị định mới về Quản lý vật liệu xây dựng sẽ chú trọng đặc biệt đến vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, phân cấp thẩm quyền cụ thể từng nhiệm vụ cho các địa phương trong quản lý vật liệu xây dựng cũng như công bố công khai quy hoạch vật liệu xây dựng trên cổng thông tin điện tử chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vật liệu xây dựng...” - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy phát biểu tại hội thảo Góp ý Dự thảo Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng diễn ra tại Hà Nội ngày 20/10/2015.

Dự hội thảo có đại diện Văn phòng Chính phủ, đại diện các Bộ: Tài nguyên và môi trường, Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quốc phòng, Y tế... cùng đại diện Sở Xây dựng Hà Nội, Sở Xây dựng Quảng Ninh, lãnh đạo các hội nghề nghiệp có liên quan...

Thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao về việc nghiên cứu, soạn thảo và trình



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy phát biểu tại Hội thảo

Chính phủ ban hành Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng, thay thế Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng.

Đến nay, Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã tổ chức 3 phiên họp toàn thể để xây dựng Dự thảo Nghị định này. Ngày 20/8/2015, Bộ Xây

dụng đã gửi công văn kèm theo Dự thảo Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng xin ý kiến lần 1 các Bộ, ngành, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Xây dựng các địa phương, các hội nghề nghiệp có liên quan. Đến ngày 8/10/2015 Bộ Xây dựng tiếp tục gửi công văn kèm theo Dự thảo Nghị định trên đến các Bộ, ngành... xin ý kiến lần 2.

Tại hội thảo, các chuyên gia đánh giá cao tính thống nhất, cụ thể của Dự thảo, đặc biệt là những quy định mới được đưa vào Dự thảo Nghị định như: Quy định về sử dụng amiang trắng nhóm serpentine trong sản xuất vật liệu xây dựng, chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường... Nhiều chuyên gia bày tỏ sự nhất trí với việc Bộ Xây dựng đề cao vai trò quản lý Nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Nghị định về Quản lý vật liệu xây dựng, các chuyên gia đã đưa ra nhiều ý kiến đóng góp xây dựng Dự thảo, như: Dự thảo cần quy định cơ chế, chính sách phối hợp giữa các Bộ, ngành trong việc kiểm tra, xử lý những vi phạm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, bổ sung dự báo cung - cầu về vật liệu xây dựng hàng năm và 5 năm, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

Đại diện Sở Xây dựng Hà Nội góp ý nên đưa những quy định về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào Dự thảo Quản lý vật liệu xây dựng, đồng thời bổ sung điều chỉnh chế độ báo cáo thống kê trong quản lý, sản xuất vật liệu



Quang cảnh Hội thảo

xây dựng. Những quy định này không chỉ giúp cán bộ Sở Xây dựng các tỉnh thuận lợi hơn trong việc thực hiện các giải pháp quản lý mà còn giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận với các thông tin liên quan đến vật liệu xây dựng thông qua các trang web. Điều này càng trở nên cần thiết hơn khi hiện nay Việt Nam đang chú trọng đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử.

Đánh giá cao những ý kiến góp ý của đại diện các Bộ, ngành, của Sở Xây dựng các tỉnh cũng như của các chuyên gia, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Đỗ Đức Duy cho biết, Bộ Xây dựng sẽ chú ý tiếp thu những ý kiến xác đáng, hợp lý để hoàn thiện Dự thảo Nghị định Quản lý vật liệu xây dựng. Thứ trưởng cho biết thêm, đối với những góp ý chưa có thời gian trình bày ở hội thảo, các đại biểu có thể hoàn thiện nội dung và gửi về Bộ Xây dựng bằng văn bản, Bộ Xây dựng sẽ xem xét và tiếp thu.

Trần Đình Hà

Hội nghị tập huấn cán bộ công đoàn ngành Xây dựng

Trong hai ngày 22 - 23/10/2015 tại Sầm Sơn (Thanh Hóa), Công đoàn Xây dựng Việt Nam (XDVN) đã tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công đoàn cho các cán bộ công đoàn cơ sở trực thuộc Bộ Xây dựng.

Khóa tập huấn lần này có chủ đề “Bước 4 -

Phương pháp tích cực”. Qua hai buổi học, các học viên đã được truyền đạt mục đích ý nghĩa, nội dung hình thức của các công tác tuyên truyền giáo dục, công tác thi đua khen thưởng. Đây là hai hoạt động quan trọng trong công tác tư tưởng của cán bộ công đoàn đối với cán bộ



Một buổi học trong khóa tập huấn

công nhân viên cùng đơn vị. Về bản chất, công tác tuyên truyền là truyền bá tri thức, tư tưởng đến đối tượng, giúp đối tượng thay đổi nhận thức, niềm tin, hành động theo định hướng mà mục đích tuyên truyền đặt ra. Còn bản chất công tác thi đua, khen thưởng là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh kịp thời những cố gắng, nỗ lực của các cá nhân, tập thể trong phong trào chung của toàn đơn vị. Người cán bộ công đoàn cần quán triệt sâu sắc ý nghĩa các hoạt động này, thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa lãnh đạo đơn vị và tập thể cán bộ công nhân viên; vừa góp phần xây dựng đội ngũ công nhân viên chức lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, vừa đồng thời phối hợp tốt với lãnh đạo đơn vị, tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị một cách thiết thực và hiệu quả.

Để có thể thực hiện thành công hai công tác trên, bên cạnh sự thông hiểu các căn cứ pháp lý của công tác tuyên truyền giáo dục và thi đua khen thưởng, các đường lối chủ trương của

Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, người cán bộ công đoàn còn cần nắm bắt tốt những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng vận động... Với sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên khoa Lý luận và nghiệp vụ công đoàn (Đại học Công đoàn), các học viên đã trực tiếp tham gia nhiều bài tập tình huống về kỹ năng vận động người lao động, cách ứng xử với cấp trên và cấp dưới. Tại một tiết tọa đàm mở, các học viên lần lượt nêu lên những khó khăn, vướng mắc trong thực tế công tác tại đơn vị mình, và cùng thảo luận sôi nổi tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn.

Theo đánh giá của ông Đặng Ngọc Điệp - Trưởng ban Tổ chức Công đoàn Xây dựng Việt Nam, thành công của khóa tập huấn “Bước 4 - Phương pháp tích cực”, cũng như thành công của các đợt tập huấn bước 1, bước 2 và bước 3 (về các nghiệp vụ cơ bản trong công tác công đoàn) có sự đóng góp rất lớn từ nhận thức tư tưởng và thái độ học tập tích cực của các học viên - những cán bộ công đoàn chủ chốt của các đơn vị, cơ quan trực thuộc Bộ Xây dựng. Ông Điệp cũng cho biết: thời gian qua, công tác tập huấn theo phương pháp mới nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các cán bộ công đoàn các cấp được Công đoàn XĐVN đặc biệt quan tâm. Các khóa tập huấn đã và sẽ tiếp tục được tổ chức theo từng chuyên đề cụ thể, cho từng lớp học viên của tất cả các đơn vị sự nghiệp, các công ty và tổng công ty trong ngành.

Lệ Minh

Hội nghị đánh giá 5 năm thực hiện Đề án 1961

Ngày 24/10/2015 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị đánh giá 5 năm thực hiện Đề án 1961 “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010-2015” nhằm đánh giá tình hình

thực hiện các nhiệm vụ và đề ra giải pháp hoàn thành các mục tiêu của Đề án. Đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ đến dự và chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Phạm Hồng Hà, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Xây dựng; ông Trần Hữu Hà - Giám đốc Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị; đại diện của Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế; đại diện các Bộ, ngành Trung ương; đại diện lãnh đạo các Sở Xây dựng, Sở Nội Vụ các tỉnh và thành phố; đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, một trong những nhân tố quyết định tới sự thành công của tiến trình đô thị hóa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ của các đô thị. Với tầm quan trọng đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ luôn luôn quan tâm chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý đô thị các cấp. Đề án 1961 là đề án đầu tiên thuộc loại này. Sau gần 5 năm triển khai, Đề án đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị cho công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp của nước ta.

Báo cáo tại Hội nghị về kết quả thực hiện Đề án 1961, ông Trần Hữu Hà - Giám đốc Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Bộ Xây dựng) - đơn vị được giao chủ trì thực hiện Đề án cho biết: Đề án 1961 có phạm vi điều chỉnh rộng với đối tượng từ Phó chủ tịch UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đến công



Toàn cảnh Hội nghị

chức quản lý địa chính xây dựng đô thị tại phường, xã. Khối lượng kiến thức, nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với các nhóm đối tượng của Đề án theo vị trí việc làm là rất lớn, yêu cầu chi tiết, thiết thực, sát với thực tế và thường xuyên phải cập nhật kiến thức phù hợp với các quy định mới của pháp luật về quản lý xây dựng và phát triển đô thị, đòi hỏi phải có quá trình nghiên cứu công phu với sự tham gia của nhiều Bộ, Ngành, địa phương.

Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) là đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng được giao chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ Xây dựng để xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp bồi dưỡng, đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện dạy và học có chất lượng; Chủ trì phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Bộ Xây dựng hoàn thiện thể chế, dự toán kinh phí thực hiện Đề án. Đến nay, Học viện đã triển khai thực hiện được 142 khóa đào tạo, bồi dưỡng trên khắp cả nước với sự tham gia của 9316 học viên. Phần lớn các học viên tham dự khóa học đánh giá cao về tính hữu ích, thực tiễn cao của khóa học và đã giúp ích rất nhiều cho học viên trong quá trình công tác ở địa phương.

Tính đến tháng 10/2015 có 8 bộ chương trình, 6 bộ tài liệu đã được ban hành và đưa vào sử dụng; đội ngũ giảng viên của Đề án đã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức và

phương pháp giảng dạy các chương trình này; gần 50% công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình của Đề án đã phát huy được năng lực và kiến thức sau khóa học, phục vụ tại địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2015 - 2020, một số lượng lớn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chuyên môn về quản lý xây dựng và phát triển đô thị các cấp cần thiết phải đào tạo mới, đào tạo lại, bổ sung các kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Mặc dù đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận nhưng quá trình triển khai thực hiện vẫn chưa hoàn đạt được một số mục tiêu Đề án đề ra như: 100% công chức lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị...do có nhiều yếu tố phát sinh chưa được tính tới từ ban đầu của quá trình.

Hội nghị đã nghe nhiều ý kiến tham luận của đại diện lãnh đạo các tỉnh, thành phố, các tổ chức quốc tế và các hội, hiệp hội nghề nghiệp về vai trò, ý nghĩa và các giải pháp thực hiện Đề án.

Theo đánh giá của đại diện của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Đề án 1961 có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ chuyên môn quản lý đô thị trong bối cảnh Việt Nam đang có tốc độ đô thị hóa nhanh chóng. Trong tương lai, bên cạnh các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam sẽ có thêm nhiều đô thị quy mô vừa và nhỏ, đòi hỏi các biện pháp quản lý khác nhau. Do đó, sự hỗ trợ của Chính phủ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý đô thị các cấp để tạo ra sự chuyên nghiệp hóa về quản lý đô thị là hết sức

cần thiết. Ngân hàng Thế giới vui mừng được hợp tác với Chính phủ Việt Nam trong tiến trình đô thị hóa của Việt Nam và hỗ trợ Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị thông qua việc đưa các chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy và trao đổi các kinh nghiệm quản lý đô thị của quốc tế cho các học viên Việt Nam.

Sau khi nghe các báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Đề án 1961 của Bộ Xây dựng và các ý kiến tham luận tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải biểu dương Bộ Xây dựng, Học viện AMC, các địa phương, các chuyên gia trong nước và quốc tế đã tham gia hết sức tích cực để Đề án đạt được những kết quả ban đầu.

Đồng tình với báo cáo của Bộ Xây dựng, trong đó đã nêu lên được những kết quả cũng như những hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cho rằng, việc xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý đô thị dày dặn kinh nghiệm, chuyên nghiệp và cập nhật đối với quốc tế để đảm bảo cho các đô thị của nước ta phát triển bền vững còn là một thách thức rất lớn.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đề nghị trong thời gian tới cần phải khắc phục được những hạn chế đã được chỉ ra trong Báo cáo, đặc biệt là vấn đề giáo trình, xây dựng chương trình và đối tượng đào tạo; chương trình nên tập trung đào tạo trong nước, giảm đào tạo ở nước ngoài vì kinh phí hạn chế; tăng cường các giảng viên từ các ngành kinh tế khác - những người có nhiều kinh nghiệm thực tiễn để tham gia giảng dạy.

Minh Tuấn

Trung Quốc: Xây dựng đội ngũ công nhân ngành Xây dựng theo định hướng thị trường

Ngành Xây dựng là ngành tập trung lực lượng lao động lớn. Tại Trung Quốc, số lượng người làm việc trong ngành xây dựng đã đạt

trên 49 triệu người. Tuy nhiên, nhiều năm trở lại đây, vấn đề tổ chất, địa vị, sở hữu của công nhân ngành xây dựng vẫn chưa được giải

quyết. Ngày nay, khi nhà nước Trung Quốc đã đưa ra việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, đứng từ góc độ thị trường để quyết định việc phân phối tài nguyên nhằm giải quyết tốt vấn đề lao động, thích ứng với giai đoạn nền kinh tế bình ổn đã trở nên hết sức cần thiết.

1. Phân thâu lao động xây dựng gây ra các vấn đề về đội ngũ lao động ngành

- Ngưỡng gia nhập đội ngũ lao động thấp, tổ chất đội ngũ thấp.

Trong một thời gian dài, quy mô đầu tư tài sản cố định nhà nước Trung Quốc rất lớn, nhu cầu đối với lực lượng lao động trong ngành Xây dựng tăng cao. Số lượng công nhân vào thành phố làm việc ngày càng nhiều, tuy nhiên tổ chất tổng thể của những người lao động lại không cao, các cơ quan chủ quản hành chính địa phương rất khó tiến hành quản lý, thẩm tra và phân chia đối với năng lực, tổ chất người lao động kỹ thuật trong các doanh nghiệp.

- Quản lý trong doanh nghiệp chưa hoàn thiện, tính ổn định của người lao động còn thấp.

Sự kết hợp giữa doanh nghiệp lao động và nhân viên lao động tại hạng mục thực chất là sự thử nghiệm mới trong cải cách thể chế ngành xây dựng, đôi bên đều trưởng thành và tôi luyện. Người lao động bắt đầu lựa chọn doanh nghiệp, hạng mục, người lãnh đạo, thậm chí là khu vực mà họ phục vụ. Một doanh nghiệp lao động khá tốt sẽ có tỷ lệ lưu động nhân viên khoảng trên 20%, những doanh nghiệp kém hơn rất khó có sự ổn định về đội ngũ lao động cơ bản. Kết quả là sự thất bại trong các hợp đồng lao động, kế hoạch tiến độ công trình, tỷ lệ hiệu quả trong quản lý hạng mục giảm sút. Ở đây có vấn đề về trình độ quản lý của doanh nghiệp lao động, cũng có nguyên nhân về kết cấu lao động từ nông thôn vào thành phố và sự thay đổi trong triết lý văn hóa.

- Gia tăng về thu nhập khiến áp lực về chi phí của doanh nghiệp càng lớn.

Do ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế, kinh tế thị trường dần phát triển thành thực, giá cả lực

lượng lao động ngày càng tăng cao. Điều này một mặt khiến cho chi phí vận hành kinh doanh của doanh nghiệp lao động tăng cao, mặt khác khiến chi phí dành cho lao động tại các doanh nghiệp tổng thâu gia tăng nhanh chóng.

- Sự chậm trễ trong các biện pháp bảo đảm xã hội, vẫn còn phát sinh các vụ việc tổn hại quyền lợi người lao động.

Do tính lưu động của nhân công ngành xây dựng cao, có những công ty lao động không ký kết hợp đồng lao động với công nhân, đa số các doanh nghiệp sử dụng lao động không làm bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp... Một bộ phận người lao động không được đào tạo trước khi tham gia làm việc, điều kiện sinh hoạt đơn giản, thường xuyên gặp phải tình trạng nợ lương từ doanh nghiệp.

2. Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa là yêu cầu khách quan trong phát triển bền vững của ngành xây dựng

Công nhân lao động tồn tại đồng thời với cục diện không đồng đều trong đội ngũ lao động. Phân thâu lao động đã trở thành lực lượng quan trọng trong sự phát triển của ngành xây dựng. Xây dựng đội ngũ nhân công ngành xây dựng trong giai đoạn nền kinh tế thị trường phát triển là nhu cầu bức thiết để ngành phát triển lành mạnh, đồng thời thúc đẩy xây dựng đô thị hóa kiểu mới, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, giải quyết yêu cầu hiện thực trong các vấn đề dân sinh.

Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa là nhu cầu bức thiết trong sự phát triển tự thân của các doanh nghiệp thi công xây dựng. Lao động nông thôn đã trở thành chủ thể trong thi công xây dựng, chiếm trên 70% toàn bộ nhân viên làm việc trong ngành xây dựng. Trong quá trình thi công xây dựng, ngoài các tác nghiệp thủ công, còn có trên 40% các thao tác thực tế trong quản lý hiện trường nằm trong tay doanh nghiệp lao động. Các doanh nghiệp tổng thâu đều hy vọng được phối hợp lâu dài với đội ngũ lao động có uy tín và tổ chất cao, đồng thời hy

vọng tự xây dựng cho doanh nghiệp một đội ngũ nhân công có kỹ năng cao.

Công nghiệp hóa lao động xây dựng là chức trách cơ bản trong hoàn thiện quản lý xã hội của Chính phủ. Đóng vai trò là ngành tập trung lao động cao, ngành xây dựng đã thu hút đa số dân số lao động dư thừa từ nông thôn. Lao động từ nông thôn vào thành phố làm việc và sinh sống đã trở thành một vấn đề xã hội lớn trong nhất thể hóa đô thị và nông thôn. Chính phủ cần nâng cao tố chất cho người lao động, đồng thời cần đào tạo giáo dục và hoàn thiện các cơ chế bảo đảm xã hội cho người lao động.

3. Xây dựng trật tự mới trong đội ngũ nhân công lao động ngành Xây dựng

Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, xây dựng đội ngũ nhân công lao động mới trong ngành xây dựng trên cơ sở giải quyết phân bố tài nguyên trên thị trường khi thị trường xây dựng đã phát triển cần chú trọng những điều sau đây:

- Nêu bật vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp quy mô lớn, thúc đẩy chuyên nghiệp hóa và tính liên kết trong tổ chức lao động.

- Doanh nghiệp lao động chuyên nghiệp cần đảm nhận trách nhiệm chủ thể trong việc tập hợp và tạo sự ổn định cho nhân viên lao động.

- Xây dựng cơ cấu quản lý chuyên ngành, tăng cường ràng buộc và hướng dẫn đối với các doanh nghiệp lao động.

- Phát huy tác dụng của các hiệp hội, các trường chuyên nghiệp và các doanh nghiệp lớn trong ngành, tăng cường đào tạo đối với đội ngũ lao động.

- Xây dựng cơ chế bảo đảm xã hội đối với người lao động, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa.

Lý Lý Đình

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 13/2015

ND: Kim Nhạn

Các xu hướng phát triển nhà ở tại Liên bang Nga

Tổng diện tích nhà ở đưa vào sử dụng là một tiêu chí then chốt thể hiện mức độ phát triển và sự thay đổi của thị trường bất động sản. Sau khi chuyển sang vận hành theo cơ chế thị trường, quy mô xây dựng nhà ở tại LB Nga giảm rõ rệt. Nếu năm 2008 khối lượng xây dựng nhà ở đạt 64,1 triệu m², sau thời kỳ khủng hoảng tài chính vào năm 2010, với những nỗ lực lớn của nhà nước, khối lượng xây dựng nhà ở của năm tiếp theo giảm còn 58,4 triệu m² và đến năm 2013 đạt giá trị kỷ lục mang tính lịch sử là 70,5 triệu m² (bằng 102,5% so với năm 2012). Năm 2013 đã có 929,4 nghìn căn hộ được đưa vào sử dụng, bằng 112,4% so với cùng kỳ năm trước.

Một trong các hướng chủ yếu hoàn thiện chính sách nhà ở là chuyển trọng tâm sang xây dựng nhà ở loại kinh tế, đề xuất các biện pháp nâng cao khả năng tiếp cận nhà ở đối với nhân dân. Việc giải quyết vấn đề xây dựng nhà ở loại

kinh tế đòi hỏi sự hình thành các cơ chế pháp lý - tổ chức có hiệu quả. Các cơ chế đó có khả năng bảo vệ lợi ích đầu tư của nhà thầu xây dựng và khả năng tiếp cận về mặt xã hội đối với cư dân.

Theo số liệu của Cơ quan thống kê quốc gia Liên bang Nga, trong năm 2013 chỉ 2,2 nghìn nhà ở do các nhà thầu xây dựng với tổng diện tích sử dụng bằng 4.223 nghìn m² phù hợp với tiêu chí nhà ở loại kinh tế. Sự xuất hiện của phân khúc nhà ở loại này đã tác động đến kích thước trung bình của căn hộ được xây dựng. Năm 2013 tại LB Nga, diện tích sử dụng trung bình của căn hộ là 75,8 m², giảm 3,3% so với năm trước. Lưu ý rằng, đối với nhà ở loại kinh tế, diện tích của căn hộ cùng với mức giá được thiết lập theo tiêu chuẩn là những tiêu chí theo chốt thể hiện cho loại nhà ở này. Theo phương pháp tính giá do Bộ Phát triển vùng Liên bang



Khu nhà ở mới xây dựng bên sông Tomi

Nga ban hành, mức giá cao nhất đối với nhà ở loại kinh tế không quá 30.000 rúp cho 1 m² diện tích sử dụng. Quy định trên được áp dụng cho đến ngày 01/01/2011. Những năm sau đó, định hướng về giá trung bình thị trường của 1 m² diện tích sử dụng tại các chủ thể thuộc LB Nga cũng được xác định theo tiêu chuẩn. Về diện tích căn hộ, đối với căn hộ có 01 phòng diện tích bằng 28 - 45 m², căn hộ có 02 phòng: 44 - 60 m², căn hộ có 03 phòng: 56 - 80 m²,....

Với mục tiêu tiếp tục hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, hiện nay Bộ Xây dựng LB Nga quy định tổng diện tích của nhà ở loại kinh tế không được quá 100 m². Thêm vào đó, theo sự quan sát thống kê, không có quy cách cho căn hộ với quy hoạch tự do (là căn hộ bên trong không có tường ngăn các khu chức năng), sự xuất hiện của loại căn hộ này cho phép thể hiện một cách chính xác và đầy đủ hơn sự thay đổi của hoạt động xây dựng nhà ở loại kinh tế.

Năm 1990, tỷ trọng nhà ở do các Hợp tác xã xây dựng nhà ở (HTXXDNƠ) xây dựng đạt 4,7%, năm 2013 giảm còn 0,7%.

Ở Liên Xô trước đây, các HTXXDNƠ là giải pháp lựa chọn quý giá đối với nhà ở không phải thanh toán. Ngày nay, đặc biệt từ khi luật về xây dựng theo phần đóng góp được ban hành, HTXXDNƠ trở thành công cụ để vượt qua những rào cản trên thị trường cấp một nhà ở. Thêm vào đó, những nội dung cơ bản được các nhà làm luật sử dụng làm cơ sở cho phong trào hợp tác xã xây dựng cho phép sử dụng thể chế này cho việc nâng cao khả năng tiếp cận nhà ở.



Khu nhà ở mới xây dựng

Cuối thập niên 1980 đầu thập niên 1990 việc giải quyết vấn đề nhà ở thông qua tham gia vào các HTXXDNƠ là cách thức hợp lý nhất. Người dân có thể đóng góp tiền hoặc sức lao động trên công trình xây dựng để sau đó được quyền vào ở trong căn hộ.

Từ đầu thập niên 1990 cho đến năm 2005 số lượng loại hình hợp tác xã nhà ở tăng rõ rệt, tuy nhiên ý nghĩa kinh tế của hoạt động của các hợp tác xã đó hoàn toàn không thể hiện cho các mục tiêu thành lập của các tổ chức này.

Từ năm 2005 Bộ luật Nhà ở LB Nga đã dành riêng một chương quy định về HTXXDNƠ. Về mục đích thành lập HTXXDNƠ chúng ta có thể nhận thấy sự tích lũy kinh phí để xây dựng nhà ở phù hợp khả năng kinh tế mà không có sự tham gia của các nhà thầu xây dựng. Tuy nhiên, đến nay ý nghĩa của việc thành lập HTXXDNƠ còn chưa thành hiện thực, cụ thể như sau:

- Không có nhà thầu xây dựng nào muốn cung cấp nhà ở cho cư dân theo mức giá gần với giá xây dựng;

- Thiếu vắng các tổ chức nhà ở phi thương mại (cung cấp nhà ở xã hội) sẵn sàng thành lập HTXXDNƠ dành cho những người có nhu cầu;

- Một loại hình tổ chức là Trung tâm tổ chức - phương pháp còn chưa được thành lập. Trung tâm này thực hiện chức năng điều phối việc giải quyết vấn đề thành lập và vận hành của các HTXXDNƠ, thành lập các nhóm cư dân tùy theo mức độ nhu cầu và khả năng kinh tế của họ.



Nhà ở trong khu đô thị mới xây dựng

Mặc dù còn gặp phải những mâu thuẫn nêu trên, sự xuất hiện của loại nhà ở do các HTXXDNO xây dựng vào năm 2013 (với khối lượng 469,3 nghìn m²) làm nảy sinh câu hỏi về bản chất của loại nhà ở này.

Trong thực tiễn hiện đại cơ chế HTXXDNO được sử dụng để vượt qua các giới hạn nêu



Khu đô thị mới

trong luật liên bang về xây dựng theo phần đóng góp. Hiện nay, một số đại biểu của Đuma quốc gia đã đề nghị sửa đổi và bổ sung Bộ luật Nhà ở, họ cho rằng HTXXDNO chỉ nên giữ vai trò là nhà thầu xây dựng.

Kết quả khảo sát cho thấy tại Cộng hoà Tatarstan trên 10% cư dân đã đăng ký cải thiện điều kiện nhà ở sẽ sẵn sàng tham gia HTXXDNO (mà không đợi sự hỗ trợ của nhà nước). Trong đó phần lớn là các đối tượng đang tham gia vào các chương trình nhà ở của liên

bang hoặc địa phương nhưng do thiếu triển vọng giải quyết vấn đề nhà ở trong thời gian thích hợp. Việc tham gia vào HTXXDNO sẽ giúp họ xác định được thời hạn cụ thể cho việc cải thiện điều kiện nhà ở.

Tỉnh Samara là địa phương đạt được những thành công lớn trong việc phát huy tiềm năng của HTXXDNO. Tại đây, Cty "AIZhK" đã và đang tạo ra các điều kiện cho sự triển khai trên quy mô rộng phong trào HTXXDNO ở địa phương. Họ tạo điều kiện cho sự triển khai cơ chế giúp hình thành khả năng cạnh tranh mạnh mẽ trong giải quyết vấn đề nhà ở. Quỹ nhà ở và tín dụng thế chấp bất động sản tỉnh Samara đã thành lập Văn phòng hỗ trợ phát triển các hình thức phi thương mại xây dựng nhà ở. Chức năng chính của tổ chức này là hỗ trợ đầy đủ cho các hoạt động của HTXXDNO, từ sự tư vấn ban đầu cho đến việc khai thác công trình bất động sản nhà ở. Nhờ sự triển khai các HTXXDNO giá nhà ở đối với các thành viên của tổ chức này sẽ ngày càng tiếp cận mức giá xây dựng do không nảy sinh các lợi ích thương mại của các nhà thầu xây dựng, đất xây dựng được miễn phí, được hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, việc xây dựng được sử dụng lại các đồ án thiết kế mẫu, kể cả việc thực hiện các chương trình mua nhà trả góp.

Như vậy, việc triển khai chương trình HTX cần đến ý chí chính trị của các nhà lãnh đạo chính quyền các địa phương giúp cắt giảm một phần thu nhập của ngân hàng và nhà đầu tư.

Việc chuẩn bị đồng bộ cho đất xây dựng là một khâu quan trọng trong phát triển nhà do cách tiếp cận đó giúp giải quyết vấn đề nhà ở một cách có hệ thống và hiệu quả nhất, nhất là trước thực trạng lượng đất trống trong đô thị dành cho xây dựng nhà ở mới ngày càng giảm.

Trong bối cảnh đó, một số nhà thầu xây dựng đã chuyển sang xây dựng chung cư thấp tầng và nhà ở đơn lập tại khu vực ngoại vi của các đô thị lớn. Ví dụ, tại Cộng hoà Tatarstan, với mục đích tăng khối lượng xây dựng nhà ở,



Nhà ở trong khu đô thị mới xây dựng

các khu đất liền kề với thủ đô của nước Cộng hoà này là thành phố Kazan cũng đã được sử dụng cho việc xây dựng, ngoài ra một phần đất nông nghiệp cũng được chuyển giao cho thành phố Kazan.

Các chỉ tiêu về xây dựng nhà ở cho thấy sự hấp dẫn của việc khai thác đất nông nghiệp. Tại LB Nga, năm 2013 tốc độ xây dựng nhà ở tại nông thôn đã vượt tốc độ đưa nhà ở vào sử dụng tại các đô thị. Tại nông thôn, diện tích nhà ở đưa vào sử dụng tăng 11,5% so với năm 2012, còn với đô thị - tăng 5,9% so với năm.

Đối với nhà thầu xây dựng, sự hấp dẫn của việc xây dựng tại khu vực ngoại vi đô thị nảy sinh từ khả năng thu được lợi nhuận phù hợp. Các vị trí gần đô thị giúp giảm các chi phí giao thông và vận chuyển đồng thời lại gần các nguồn nhân lực. Xét về lợi ích kinh tế, sự gắn kết với đô thị bảo đảm mức giá cao và khả năng thanh toán đối với hàng hoá bán.

Thêm vào đó, giá đất giữ vai trò quan trọng đối với việc nâng cao khả năng tiếp cận nhà ở đơn lập. Rõ ràng là càng xa các điểm dân cư lớn, giá đất sẽ càng thấp.

Khả năng mua đất nông nghiệp với giá thấp sau đó chuyển mục đích sử dụng thành đất ở mở ra con đường kinh doanh cho các nhà đầu tư phát triển. Thông thường, các nhà đầu tư chỉ xây dựng hàng rào bao quanh khu đất và một số công trình hạ tầng kỹ thuật (như cấp nước, điện và khí đốt) còn những công việc trọng yếu

như chỉnh trang và thi công lớp áo đường kể cả việc xây dựng các kết cấu hạ tầng đều là gánh nặng thuộc về các chủ sở hữu tương lai. Thực tiễn triển khai các dự án loại trên cho thấy một đặc điểm đặc trưng đó là mặc dù chưa hoàn thành đầy đủ trách nhiệm của một nhà thầu xây dựng nhưng một khi nhà đầu tư phát triển đã chuyển đổi thành công ty quản lý họ vẫn tạo ra được những khoản thu nhập từ sự thanh toán của cư dân đối với việc cung cấp dịch vụ nhà ở và công trình công cộng cho khu dân cư.

Thực trạng nêu trên được nhận thấy tại nhiều điểm dân cư nhà biệt thự gần thành phố Kazan, theo chúng tôi thực tế đó không phù hợp với những nhu cầu mới và trong tương lai về cuộc sống tiện nghi tại vùng ngoại vi đô thị. Trình tự cơ bản phát triển các khu dân cư nêu trên bằng nhà ở loại kinh tế chỉ đơn giản là nhà thầu xây dựng mua đất (quyền sử dụng đất) nông nghiệp đôi khi thông qua huy động nguồn lực tín dụng. Họ lắp đặt đường ống hạ tầng kỹ thuật đôi khi cả loại đường ống tạm thời sau đó bán lại đất (quyền sử dụng đất) không thông qua đấu thầu. Tại ngoại ô thành phố Kazan, giá mảnh đất 100 m² khoảng 40.000 đến 80.000 rúp, thấp hơn nhiều so với tại các khu dân cư trong đó hạ tầng xã hội và đường sá đã được xây dựng. Khi khu đất đã xây dựng vườn trẻ, trường học và được chỉnh trang thì giá 100 m² đất lên đến 180.000 rúp.

Như vậy, giá đất thấp làm tăng đáng kể sức hấp dẫn đối với việc tạo dựng cuộc sống ở vùng ngoại vi đô thị. Việc xây dựng nhà ở được thực hiện trước hết xuất phát từ khả năng tài chính và thường diễn ra trong khoảng thời gian rất dài.

Từ những nghiên cứu nêu trên cho thấy cư dân ưa chuộng sống trong nhà đơn lập tuy nhiên nhu cầu của đông đảo cư dân lại nằm trong phân khúc nhà ở giá thấp. Tại ngoại ô thành phố Kazan, giá của một ngôi nhà vào khoảng 3,5 triệu rúp xây dựng trên đất diện tích không quá 100 m².

Một đặc điểm quan trọng của việc khai thác

đất nông nghiệp hiện nay là thực trạng chưa giải quyết được vấn đề về hoạt động kinh tế của cư dân. Nói khác đi, vấn đề còn để ngỏ liên quan đến các loại hình hoạt động kinh doanh có khả năng bảo đảm việc làm cho người dân nói chung và nói riêng là tạo nên sự quan tâm đối với việc sống tại khu vực đó.

Như vậy, ngày nay sự cần thiết nghiên cứu hình thức mới xây dựng và phát triển nông thôn đã trở nên chín muồi. Trên cơ sở xem xét tất cả những vấn đề được nêu ở phần trên, việc giải quyết các vấn đề đó được khuyến nghị áp dụng hình thức mới phát triển nông thôn theo mô hình tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn.

Việc nâng cao sức thu hút đối với cuộc sống ở nông thôn đối với các đối tượng có năng lực lao động trong độ tuổi từ 18 đến 45 tuổi cũng cần phải được giải quyết thông qua các dự án giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ngoài ra, cần lưu ý rằng một trong số các vấn đề rất quan trọng là bảo đảm nhà ở cho các hộ gia đình nông thôn. Tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn là một mô hình mới phát triển vùng lãnh thổ. Mô hình là tổ hợp của các loại công trình có mối quan hệ tương hỗ với nhau, là các công trình với công năng ở, sản xuất, cung cấp dịch vụ sinh hoạt, xã hội. Trong thành phần các công trình bất động sản thuộc tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn cần bao gồm các công trình giáo dục (trường học phổ thông, nhà trẻ, nhà sáng tạo) và các cơ sở y tế (cơ sở chữa bệnh ngoại trú và nội trú). Cần thiết triển khai các dự án xây dựng nhà ở thấp tầng tiện nghi cao áp dụng các công nghệ sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả. Ý tưởng xây dựng nhà sử dụng năng lượng hiệu quả là cơ sở cho các giải pháp thiết kế nhà ở xây dựng trong các tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn.

Trong quá trình lập dự án phát triển các tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn, phương pháp tiếp thị đầu tư giữ vai trò đặc biệt quan trọng do nguồn lực tài chính chủ yếu cùng

với các chi phí phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu của tổ hợp đều dựa trên sự huy động vốn từ các nhà đầu tư tư nhân. Do sự tham gia của các nhà đầu tư chiếm tỷ trọng cao nên cần áp dụng đồng bộ các biện pháp miễn giảm thuế. Thêm vào đó việc phát triển các tổ hợp nhà ở - sản xuất thanh niên ở nông thôn thông qua nhà nước không nên xem là phương án chiến lược phát triển nhà ở.

Các chỉ tiêu về nhà ở cho thuê theo hình thức thuê bất động sản cần trở thành chỉ tiêu quan trọng về sự phát triển của lĩnh vực xây dựng nhà ở được thể hiện trong các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Ngày nay, chính quyền các cấp đã và đang đặc biệt quan tâm việc thành lập các quỹ nhà ở cho thuê theo hình thức bất động sản. Trong số các biện pháp cơ bản phải kể đến việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy và bảo đảm sức thu hút đầu tư đối với các nhà đầu tư xây dựng.

Kết luận

Trên giai đoạn trưởng thành của thị trường nhà ở cho thuê theo hình thức bất động sản, các tổ chức nhà ở hoạt động phi thương mại cần giữ vai trò hàng đầu. Họ cũng có thể trở thành những đối tượng tham gia thị trường có khả năng tăng cường đáng kể cho hoạt động kinh doanh trong phân khúc nhà ở loại kinh tế của thị trường. Danh sách các đối tượng cần sự hỗ trợ ưu tiên của nhà nước cũng khác nhau đối với các địa phương do các nguyên nhân tình hình thị trường. Thực trạng đó đòi hỏi xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao để tham gia khai thác các vùng đất mới, khởi động các nhà máy mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ, chuyên gia làm việc trong các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ xã hội quan trọng (giáo dục, y tế, văn hóa) và cải thiện tình trạng dân số.

Gareev I.F và Khabibulina A.G

Nguồn: Bản tin Trường đại học Kiến trúc - xây dựng Kazan, số 4/2014

ND: Huỳnh Phước

Những ô phố “thụ động” trong lòng nước Đức

Freiburg thuộc bang Baden - Wurtemberg (Đức), không xa biên giới Thụy Sĩ và Pháp. Đây là vùng nghỉ dưỡng nổi tiếng của Đức, có quận Bauban cũng rất nổi tiếng với “khu phố thụ động”. Dự án mới được hoàn thành thời gian gần đây, được khởi nguồn từ một bài thuyết trình của đại diện chính quyền Freiburg tại “Diễn đàn Bauban”, trong đó đề xuất xây dựng một khu phố đầu tiên trên thế giới - nơi hầu hết các căn nhà có đặc tính “thụ động”, mà về bản chất chính là những ngôi nhà tự chủ hoàn toàn nguồn năng lượng cung cấp cho sinh hoạt bên trong.

Cuộc sống hiện đại đòi hỏi lượng năng lượng tiêu thụ cho sản xuất và sinh hoạt hàng ngày



Một góc khu phố thụ động (quận Bauban - Đức)

của con người tăng cao; biểu thuế cho điện, gas... cũng tăng theo tỷ lệ tương ứng. Song đối với chủ nhân những ngôi nhà “thụ động” này hoặc sẽ chi trả rất ít cho việc sử dụng năng lượng, hoặc có thể kiếm tiền từ việc tự sản xuất, tiêu thụ và bán năng lượng thặng dư. Tuy số tiền kiếm được không nhiều, song nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong các ngôi nhà được tiết giảm tới mức tối đa - đó mới là ý nghĩa của dự án, xét cả về mặt kinh tế và bảo vệ môi trường.

Không chỉ có ý tưởng táo bạo về việc cải tạo Bauban theo định hướng sinh thái, những người đứng đầu Freiburg còn đề ra những giải pháp thực hiện rất ấn tượng. Những chủ nhân tương lai của khu phố, những người hữu trách đã phối



Thiết kế khách sạn với phần mái pin mặt trời tại Bauban

hợp cùng các kiến trúc sư và kỹ sư châu Âu thiết kế cho khu phố tương lai - từng ngôi nhà, từng mét vuông cây xanh, các công trình điện - đường - trường - trạm; và thông qua việc mỗi khu nhà được xây dựng tại đây sẽ đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng (theo quy định tại CHLB Đức là 65 kw / h/ m² mỗi năm). Hơn một trăm ngôi nhà trong khu phố đều mang các đặc tính “thụ động”, với chỉ số tiêu thụ năng lượng không vượt 15 kw/ h/ m² mỗi năm. Về thực chất, những ngôi nhà “thụ động” hay “chủ động” về năng lượng tiêu thụ cũng khó phân biệt rạch ròi, vì yếu tố thời tiết có thể điều chỉnh các kết quả. Song tựu chung, đó là những ngôi nhà đòi hỏi năng lượng tiêu thụ rất ít, và có thể duy trì năng lượng thặng dư để gia chủ “mua bán”. Theo thống kê, bình quân mỗi hộ gia đình Đức tiêu thụ 3 nghìn kw/ h điện hàng năm; trong khi đó, một ngôi nhà trong khu phố có thể tự “sản xuất” hơn định mức tiêu chuẩn rất nhiều.

1.200 mét vuông pin mặt trời, và gần 500 mét vuông kính thu sáng để hấp thụ ánh nắng mặt trời chính là thiết kế chủ đạo trong hệ thống năng lượng sinh thái của quận Bauban. Ngoài ra, một số công nghệ tiết kiệm năng lượng khác cũng được ứng dụng tại đây - công nghệ xử lý rác thải đặc biệt, bao gồm cả phế thải gỗ; công nghệ tiết kiệm năng lượng tối đa thông qua các vật liệu cách nhiệt; sử dụng các thiết bị tiết kiệm

năng lượng...

Khi xây dựng các ngôi nhà, các công trình và hạng mục cơ bản trong khu phố, hướng gió được tính toán hợp lý để có thể giảm thiểu nhiệt bị thất thoát. Các nhà/ công trình chủ yếu được



Thiết kế sân vận động có mái che ở Bauban với hệ thống pin mặt trời trên phần mái

làm từ những vật liệu sinh thái như gỗ, kính; bê tông rất ít được sử dụng. Mỗi ngôi nhà đều có ban công, sân con và vườn cây xanh xinh xắn; có hệ thống thông gió tự động và cửa sổ ba lớp kính. Phần mái với các panel pin mặt trời phủ kín không chỉ là nguồn cung điện năng, mà còn giúp ngăn ánh nắng giữ cho không khí bên trong nhà mát mẻ vào những ngày hè, và giữ ấm cho ngôi nhà vào mùa đông.

Một vấn đề nữa là giao thông trong khu phố. 40% dân số ở đây đồng thuận với việc không có xe hơi riêng để bầu không khí bớt ô nhiễm. Tất nhiên, các hãng xe hơi của Đức vốn nổi tiếng khắp thế giới khó có thể “ngồi yên” trước xu hướng này; nhưng điều gì hợp ý dân, được

nhiều người ủng hộ sẽ dần chiếm ưu thế. Và trong cuộc đấu tranh vì môi trường bền vững, các Tập đoàn lớn của Đức trong lĩnh vực năng lượng sinh thái luôn đồng hành cùng người dân.

Hệ sinh thái, cơ chế tự quản, các công trình thể thao và những sân chơi lớn dành cho trẻ em - tất cả những vấn đề được ưu tiên trên đây không chỉ hình thành một xu thế phát triển của quận Bauban, mà còn tạo lập việc làm mới cho cư dân - gần 600 vị trí làm việc trên tổng số 5,5 nghìn nhân khẩu sinh sống trên địa bàn.

Thiết kế khu phố sinh thái đã được Ủy ban thiết kế thuộc Hội đồng Freiburg thông qua. Cư dân trong khu phố được học tập để có thể tự điều chỉnh các chỉ số tiết kiệm năng lượng đối với các loại pin mặt trời, cũng như đối với các vật liệu xây dựng và thiết bị sinh thái khác được ứng dụng trong nhà, như thiết bị gom nước mưa, thiết bị xử lý rác thải sinh hoạt tại chỗ...

Ngạn ngữ cổ của Đức có câu “Tên tuổi nói lên số phận”. Với Bauban đúng là như vậy. Quận mang tên một trong những kỹ sư xây dựng nổi tiếng nhất châu Âu thế kỷ XVIII. Các kiến trúc sư, và cả những người làm du lịch của Đức hiện nay rất tích cực quảng bá cho khu phố sinh thái này - một trong những mô hình kiến trúc và thiết kế tiêu biểu cho xu hướng xây dựng tiết kiệm năng lượng trên toàn cầu.

Vera Medvedeva

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 27

(ngày 03/7/2015)

ND: Lê Minh

Kinh nghiệm xây dựng đô thị vệ tinh của Nhật Bản

Từ cuối những năm 1950 đến năm 1960, khu vực ngoại ô Tokyo Nhật Bản đã xây dựng được hơn chục thành phố vệ tinh, mục tiêu chính là để giải quyết nhu cầu nhà ở và giảm áp lực dân số tại trung tâm của Tokyo. Vào giữa thập niên 1950 đến giữa thập niên 1970, một lượng lớn nhân khẩu dịch chuyển vào đô thị mới

cách trung tâm Tokyo từ 20 - 30 km, nhưng do chức năng đô thị vệ tinh chưa kiện toàn, nên việc dịch chuyển dân số tại các đô thị lớn chưa đạt hiệu quả cao. Đến những năm 1980, Chính phủ Nhật Bản không ngừng tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng cho các đô thị mới, tăng cường việc làm, cải thiện dịch vụ công, quy mô

các đô thị mới không ngừng mở rộng, vai trò tích cực của đô thị lớn mới dần thể hiện rõ rệt.

1. Lịch sử phát triển các đô thị mới của Tokyo

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ 2 kết thúc, dân số Tokyo vào khoảng 2,78 triệu người, phát triển đô thị trong khoảng bán kính 10 km. Kể từ khi bước vào năm 1950, cùng với sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Nhật Bản, Tokyo là trung tâm của 3 khu vực: Chiyoda, Minato và khu trung tâm tập trung các cơ quan chính phủ, tổng công ty lớn và hạ tầng dịch vụ kinh doanh... khiến giao thông ách tắc, mật độ xây dựng và dân số quá cao. Để giảm bớt áp lực tại khu vực trung tâm Tokyo, Chính phủ thực hiện quy hoạch phát triển khu vực trung tâm, dưới đây gọi chung là quy hoạch khu vực Tokyo, dự kiến phát triển các khu vực bao quanh Tokyo, phối hợp, lồng ghép phát triển không gian khu vực, đồng thời, đưa ra những quy định và yêu cầu rõ ràng đối với việc xây dựng mở rộng và phát triển đô thị mới.

Năm 1956, Chính phủ Nhật Bản công bố “Luật Quy hoạch Vùng thủ đô”, nhấn mạnh việc phát triển quy mô lớn thành phố vệ tinh cách Tokyo trong phạm vi bán kính 100 km. Năm 1958, thực hiện quy hoạch Tokyo lần thứ nhất, phỏng theo mô hình phát triển “vành đai xanh 10 thành phố mới” trong kế hoạch Greater London vào năm 1944, đề xuất cách trung tâm Tokyo bán kính 16 km, thiết lập vành đai xanh rộng từ 5 - 10 km.

Vào cuối những năm 1950 và đầu những năm 1960. Dân số Tokyo và tốc độ tăng trưởng việc làm vượt xa mong đợi trong quy hoạch, thực hiện quy hoạch xây dựng xanh tại các khu vực ngoại ô. Mặc dù hiệu quả xây dựng vành đai xanh chưa cao, nhưng nguyên mẫu đô thị mới đã rõ ràng. Đến năm 1963 và năm 1966 đã xây dựng “Luật quy hoạch vùng lân cận” và “Luật quy hoạch khu vực trung tâm đô thị”, về mặt pháp lý có thể khẳng định, 3 thành phố lớn: Tokyo, Osaka và Nagoya là những đô thị phát

triển chính của Nhật Bản.

Năm 1968, quy hoạch Tokyo lần thứ 2, đề xuất xây dựng cơ cấu giáo dục, đời sống, nghiên cứu... đối với khu vực di dân ra vùng ngoại ô Tokyo, tiếp tục xây dựng và phát triển các trung tâm phụ như: Shinjuku, Shibuya, Ikebukuro... nhằm giảm áp lực mật độ cao tại khu vực trung tâm lớn. Nhưng do trong quá trình xây dựng đô thị mới, nâng cấp đô thị chưa cao, các cơ sở vui chơi giải trí chưa hoàn thiện, dẫn đến người dân vẫn lưu lại khu vực trung tâm để làm việc, giải trí, nếu sống trong những đô thị mới, chắc chắn sẽ tăng gánh nặng cho việc đi lại.

Năm 1976, quy hoạch Tokyo lần thứ 3, đề xuất phân tán bộ phận chức năng khu vực trung tâm, quy hoạch xây dựng đô thị mới trong phạm vi lớn hơn, trong quá trình phát triển đô thị mới lần này, phương diện dân số và công nghiệp được thực hiện tương đối thành công.

Năm 1986, quy hoạch Tokyo lần thứ 4, đặc biệt chú trọng tới việc chuyển một phần công năng của đô thị trung tâm sang các đô thị mới khu vực ngoại ô, rất nhiều đô thị mới không chỉ có chức năng kinh doanh, giáo dục, giải trí, khu dân cư hoàn thiện hơn, mà còn thiết lập kiện toàn đầu mối giao thông và khu trung tâm cộng đồng quy mô lớn, các hạ tầng đô thị ngày càng đồng bộ, có tính độc lập cao.

Cuối những năm 1990, lần thứ 5 quy hoạch Tokyo, lần này tích cực tăng cường chức năng cho đô thị mới, mạnh mẽ thúc đẩy xây dựng hạ tầng giao thông, thông tin cho Tokyo và các khu vực xung quanh, tối ưu hóa chức năng không gian đô thị. Khu vực Tokyo dần từng bước hình thành bố cục thành phố “Khu trung tâm - khu trung tâm phụ thuộc khu đô thị mới - khu đô thị mới bao quanh - hệ thống giao thông công cộng”. Thiết lập bao gồm 8 khu vực trung tâm phụ (Ikebukuro, Shinjuku, Shibuya...), 9 khu đô thị mới bao quanh (Yokohama, Chiba, Tsukuba, Makuhari...).

2. Đặc điểm phát triển đô thị mới của Tokyo

Tokyo là một đơn vị hành chính đặc biệt tương đương cấp tỉnh. Nó gồm một khu vực trung tâm - được tạo bởi 23 đơn vị hành chính đặc biệt ngang cấp thành phố và vùng Tama hợp thành, tổng diện tích là 2.187 km², chiếm 0,58% diện tích lãnh thổ của Nhật Bản, dân số là 12.660 triệu người, chiếm 9,9% tổng dân số Nhật Bản. Trong đó 23 khu là 23 khu vực xây dựng của Nhật Bản, vùng Tama bao gồm 26 thành phố, 5 thị trấn, 8 thôn, chủ yếu là khu vực ngoại thành.

Khu vực trung tâm Tokyo là 23 khu vực đặc biệt của Tokyo, lấy hoàng cung làm điểm chuẩn, có “thành Bắc”, “thành Đông”, “thành Nam”, “thành Tây”. Khu vực đặc biệt tập trung tại bộ phận trung tâm được gọi là “trung tâm đô thị”, thông thường, khu vực Chiyoda, Chuo, Minato gọi là “3 khu trung tâm đô thị”. Cùng lúc đó, chính quyền Tokyo còn quy hoạch 7 “khu trung tâm phụ”, phân biệt là Shinjuku, Ikebukuro, Shibuya, Ueno Asakusa, Kinshicho Kameido, Osaki Shinagawa và khu vực ven biển của thủ đô Tokyo. Từ chức năng thành phố có thể thấy, mặc dù một số chức năng của thành phố đã dịch chuyển ra khu vực ngoại ô, nhưng trước mắt, 23 khu đặc biệt vẫn tập trung hầu hết cơ cấu chính quyền, văn hóa, quản lý và ngành dịch vụ, thương mại, tài chính, phát huy chức năng chính trị, hành chính quốc tế; chức năng kinh tế. Trải qua hơn 10 năm phát triển, Tokyo đã hình thành hệ thống phân chia chức năng trong khu vực một cách rõ ràng, phân công hợp tác, trên cơ sở bổ sung lợi thế, cùng phát huy lợi thế tập trung.

Từ Shinjuku, Shibuya, Ikebukuro... cách đô thị mới khoảng 10 - 15 km, chủ yếu phát triển các ngành công nghiệp thứ 3 như: kinh doanh, giải trí, thời trang, thông tin và ngành dịch vụ. Sau gần 50 năm xây dựng, Shinjuku đã trở thành khu vực trung tâm phụ lớn, phát triển chức năng giải trí và kinh doanh; Shibuya đã phát triển chức năng thương mại, giải trí, cửa hàng bách hóa; Ikebukuro hình thành quy mô

thương mại, đầu mối giao thông; Khu vực vùng ven biển Tokyo, quy hoạch xây dựng trở thành cảng, trung tâm quốc tế, học viện khoa học lớn nhất thế giới, bao gồm các chức năng như: văn hóa, giáo dục, vui chơi giải trí...

Đô thị mới thuộc vùng Tama, chủ yếu là phát huy chức năng nhà ở, đồng thời phù hợp để phát huy ngành điện tử, sinh học, y học... các ngành công nghiệp vật liệu mới. Các đô thị mới Yokohama, Chiba, Tsukuba, Makuhari... cách trung tâm đô thị hơn 50km, chủ yếu phát triển chức năng công nghiệp và công nghiệp gia công chế tạo quy mô lớn; Yokohama là thành phố cảng quốc tế lớn nhất của Nhật Bản, tập trung ngành công nghiệp đóng tàu, ngành sản xuất thép, hóa dầu và khu dân cư; Chiba có sân bay quốc tế và ngành công nghiệp cảng biển; đô thị mới Tsukuba có 43 cơ quan nghiên cứu quốc gia, 2 trường đại học quốc gia và 8 tổ chức nghiên cứu tư nhân, tập trung khoảng 40% nhà nghiên cứu thuộc viện nghiên cứu quốc gia, quy hoạch xây dựng Nhật Bản thành “Thành phố đầu não quốc tế”; Đô thị mới Makuhari được hình thành qua công tác cải tạo đất, nơi đây xây dựng trung tâm triển lãm quốc tế lớn nhất của Nhật Bản.

Thủ đô Tokyo là vị trí trung tâm của Nhật Bản và có ảnh hưởng rất lớn đối cả nước với thế giới, có được thành quả như vậy là nhờ rất nhiều vào hiệu quả quy hoạch vùng. Trên thực tế, Tokyo là trung tâm của chính trị, kinh tế, văn hóa của Nhật Bản, nhưng do tập trung quá nhiều chức năng đô thị và mở rộng việc sử dụng đất không giới hạn, nên việc đối mặt với những vấn đề đô thị như: xã hội, kinh tế, môi trường... là không thể tránh khỏi, ví dụ như: chất lượng cuộc sống giảm, ô nhiễm môi trường, thiên tai, đặc biệt là động đất thường xuyên xảy ra.

3. Kinh nghiệm xây dựng đô thị mới của Tokyo

Thứ nhất, dựa trên quy định pháp luật thực hiện tổng thể quy hoạch. Trải qua 5 lần thực hiện quy hoạch đô thị, Nhật Bản vẫn không ngừng

điều chỉnh và sửa đổi mục tiêu, đảm bảo công tác xây dựng đô thị mới phát triển bền vững.

Thứ hai, phương thức Chính phủ Nhật Bản tham gia vào xây dựng đô thị mới chủ yếu là thông qua phương tiện xây dựng chính sách, pháp luật, thu thuế... hướng dẫn các nhà phát triển hoạt động có trật tự.

Thứ ba, ưu tiên phát triển giao thông công cộng. Việc phát triển đô thị mới không thể tách rời các tuyến đường sắt, giao thông đường sắt thuận tiện sẽ thu hút ngành bất động sản và các cửa hàng bách hóa phát triển. Để tạo động lực phát triển cho các đô thị mới, cần chú trọng đến việc kết nối giao thông giữa đô thị mới với trung tâm đô thị, ưu tiên công tác xây dựng hạ tầng.

Thứ tư, chính sách dân số hợp lý. Để tránh việc các đô thị mới phụ thuộc vào trung tâm đô

thị, như là làm việc tại trung tâm, nhưng lại ở khu đô thị mới, nên thường xuyên mất nhiều thời gian cho việc đi lại, họ sẽ chọn cách ở lại thành phố cho thuận tiện, do đó, chính phủ đưa ra các chính sách ưu đãi, hỗ trợ những doanh nghiệp công nghệ cao dịch chuyển vào các khu đô thị mới, như vậy các doanh nghiệp vừa giảm chi phí đầu tư, tăng cơ hội việc làm cho cư dân khu vực đô thị mới, việc làm này cũng vừa giúp các đô thị mới có chức năng đô thị độc lập.

Lý Vạn Phong

Nguồn: <http://jjsb.cet.com.cn>

(Thời báo Kinh tế Trung Quốc bản điện tử ngày 30/1/2015)

ND: Bích Ngọc

LỄ KÝ KẾT CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BỘ XÂY DỰNG VỚI BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016 -2020

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Quân thực hiện việc ký kết



Toàn cảnh Lễ ký kết